

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

**NGÂN HÀNG CÂU HỎI
SINH HOẠT CÔNG DÂN SINH VIÊN ĐẦU KHOÁ**



Nội dung:

- Phần 1:** Thông tin tổng quan về nhà trường
- Phần 2:** Thông tin đào tạo
- Phần 3:** Thông tin quy chế sinh viên và nội quy học tập
- Phần 4:** Thông tin quy định đánh giá rèn luyện
- Phần 5:** Thông tin quy định chế độ chính sách
- Phần 6:** Thông tin quy định môn học Giáo dục nghề nghiệp & công tác xã hội
- Phần 7:** Thông tin quy định công tác ngoại trú
- Phần 8:** Thông tin quy định an ninh trật tự trường học
- Phần 9:** Thông tin công tác đoàn & phong trào thanh niên
- Phần 10:** Thông tin và quy định thư viện
- Phần 11:** Thông tin chính trị và thời sự
- Phần 12:** Thông tin và quy định về an toàn giao thông
- Phần 13:** Thông tin phòng chống ma túy và HIV/AIDS
- Phần 14:** Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Phòng Công tác Chính trị & Học sinh Sinh viên

PHẦN 1. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ NHÀ TRƯỜNG

Câu 01: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh trực thuộc quản lý của Bộ nào?

- a. Bộ Giáo dục và Đào tạo
- b. Bộ Khoa học và Công nghệ
- c. Bộ Tài chính
- d. Bộ Công thương

Câu 02: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường:

- a. Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- b. Trung học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- c. Cán bộ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- d. Cao đẳng Công nghệ Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh

Câu 03: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh được nâng cấp lên đại học vào thời gian nào:

- a. 20/3/2010
- b. 23/2/2010
- c. 2/3/2010
- d. 3/2/2010

Câu 04: Tiền thân của trường Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh là trường:

- a. Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- b. Trung học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- c. Cán bộ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- d. Cao đẳng Công nghệ Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh

Câu 05: Được thành lập theo Quyết định số 986/CNTP, của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Thực phẩm, trường ta lúc đó mang tên là gì?

- a. Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- b. Trung học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- c. Cán bộ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh
- d. Cao đẳng Công nghệ Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh

Câu 06: Tên viết tắt tiếng Anh của trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh là:

- a. FIUH
- b. UIFI
- c. IUFI
- d. HUFI

Câu 07: Chọn đáp án đúng và đầy đủ nhất: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh là:

- a. Trường Đại học công lập, đơn vị chủ quản là Bộ Giáo dục và Đào tạo
- b. Trường Đại học công lập, đơn vị chủ quản là Bộ Công Thương
- c. Trường Đại học công lập tự chủ, đơn vị chủ quản là Bộ Công Thương

d. Trường Đại học công lập tự chủ, đơn vị chủ quản là Bộ Giáo dục và Đào tạo

Câu 08: Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học vào thời gian nào:

- a. 2015
- b. 2016
- c. 2017
- d. 2018

Câu 09: Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM được thành lập vào ngày tháng năm nào:

- a. 09/9/1982
- b. 09/9/2010
- c. 23/2/1982
- d. 23/2/2010



PHẦN 2. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Câu 10: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Đối tượng và điều kiện thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng được bảo lưu kết quả tuyển sinh là:

- a. Thí sinh trúng tuyển nghĩa vụ quân sự cùng năm trúng tuyển đại học, cao đẳng; hoặc thí sinh trúng tuyển gặp tai nạn, bệnh tật, thiên tai hoặc hoàn cảnh đặc biệt không thể đến trường
- b. Thí sinh trúng tuyển nghĩa vụ quân sự cùng năm trúng tuyển đại học, cao đẳng; hoặc thí sinh trúng tuyển gặp tai nạn, bệnh tật, thiên tai hoặc hoàn cảnh đặc biệt không thể đến trường; hoặc thí sinh chưa muốn học năm đầu nên bảo lưu kết quả tuyển sinh
- c. Thí sinh trúng tuyển nghĩa vụ quân sự cùng năm trúng tuyển đại học, cao đẳng
- d. Thí sinh trúng tuyển gặp tai nạn, bệnh tật, thiên tai hoặc hoàn cảnh đặc biệt không thể đến trường

Câu 11: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Để đăng ký đúng các học phần trong học kỳ, sinh viên phải biết các thông tin:

- a. Thời gian và điều kiện đăng ký học phần
- b. Thời gian đăng ký, các học phần mở trong học kỳ, kết quả học tập
- c. Thời gian đăng ký, các học phần mở trong học kỳ, điều kiện đăng ký, chương trình đào tạo của ngành mình học và kết quả học tập
- d. Thời gian đăng ký, các học phần mở trong học kỳ, điều kiện đăng ký, kết quả học tập

Câu 12: Trong mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ đầu và cuối), đối với sinh viên có điểm TBTL đạt từ 2.0 trở lên được phép đăng ký:

- a. Tối thiểu 12 tín chỉ, tối đa 24 tín chỉ
- b. Tối thiểu 14 tín chỉ, tối đa không xác định
- c. Tối thiểu 10 tín chỉ, tối đa 22 tín chỉ
- d. Tối thiểu 12 tín chỉ, tối đa 25 tín chỉ

Câu 13: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Khi đăng ký học phần, nếu không muốn học một học phần nào đó, sinh viên được phép:

- a. Nếu có lý do đột xuất (ốm đau, tai nạn,...) thì sinh viên nộp đơn nhận điểm I cho phòng Đào tạo kèm theo các hồ sơ minh chứng.
- b. Hủy học phần trong thời gian quy định của trường
- c. Rút học phần trong thời gian quy định của trường
- d. Cả ba đáp án kia đều đúng

Câu 14: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Khi rút bớt học phần trong thời gian quy định, sinh viên sẽ:

- a. Không phải đóng học phí hoặc giảm học phí đối với các đối tượng khác nhau
- b. Phải đóng 100% học phí cho học phần muốn rút
- c. Được giảm 1 phần học phí
- d. Được rút 100% học phí

Câu 15: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Khi rút bớt học phần trong thời gian quy định, sinh viên:

- a. Phải làm đơn, xin ý kiến giáo viên chủ nhiệm và gửi bộ phận tiếp nhận của phòng Đào tạo giải quyết
- b. Phải làm đơn và gửi bộ phận tiếp nhận của phòng Đào tạo giải quyết
- c. Không cần làm đơn, xuống trực tiếp phòng Đào tạo đề nghị giải quyết
- d. Rút học phần online tại cổng thông tin sinh viên <http://sinhvien.hufi.edu.vn/> (trạng thái rút học phần)

Câu 16: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

- a. Sinh viên muốn đăng ký học lại, hoặc học cải thiện thì phải làm đơn gửi phòng Đào tạo
- b. Để đăng ký học lại hay học cải thiện điểm, sinh viên đăng ký giống như các học phần bình thường khác
- c. Khi đăng ký học lại hay học cải thiện điểm, thì kết quả điểm lần sau sẽ thay thế điểm lần trước
- d. Cả ba đáp án kia đều đúng

Câu 17: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, nếu học phần học không đạt sinh viên đại học được phép:

- a. Thi lại 1 lần
- b. Thi lại 2 lần
- c. Thi “vét” những học phần chưa đạt (với điều kiện số tín chỉ không đạt theo quy định của trường) vào học kỳ cuối cùng trước khi hết thời gian đào tạo
- d. Không được thi lại

Câu 18: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, nếu muốn học cải thiện điểm, sinh viên được phép:

- a. Đăng ký đúng học phần mình muốn cải thiện điểm
- b. Đăng ký học phần khác cùng số tín chỉ để thay thế cho học phần cải thiện điểm
- c. Nếu là học phần bắt buộc, có thể đăng ký học phần tự chọn thay thế khác tương đương với số tín chỉ
- d. Đăng ký học phần khác nhiều số tín chỉ hơn để thay thế cho học phần cải thiện điểm

Câu 19: Trong học kỳ hè, sinh viên được phép đăng ký:

- a. Tối đa 5 tín chỉ
- b. Tối đa 7 tín chỉ
- c. Tối đa 8 tín chỉ
- d. Tối đa không xác định số tín chỉ

Câu 20: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, sinh viên được phép:

- a. Đăng ký nhiều học phần tự chọn trong chương trình đào tạo
- b. Đăng ký học phần khác cùng số tín chỉ để thay thế cho học phần cải thiện điểm

- c. Đăng ký học các học phần ngoài chương trình đào tạo của mình để cải thiện điểm
- d. Đăng ký học các học phần kỹ năng mềm để tích lũy điểm

Câu 21: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên được phép:

- a. Đăng ký học các học phần với bậc học thấp hơn
- b. Đăng ký học các học phần tương ứng với bậc học cao hơn, hoặc một số học phần đặc biệt ở bậc thấp hơn
- c. Đăng ký học các học phần ngoài tùy ý
- d. Đăng ký học các học phần với bậc học thấp hơn nhưng có số tín chỉ cao hơn

Câu 22: Để đăng ký học phần online (trực tuyến qua mạng), sinh viên phải biết:

- a. Mã số sinh viên
- b. Địa chỉ trang web đăng ký học phần
- c. Địa chỉ trang web đăng ký học phần, mã số sinh viên, mật khẩu
- d. Địa chỉ trang web đăng ký học phần, mã số sinh viên

Câu 23: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Khi đăng ký học phần online:

- a. Sinh viên không cần in kết quả đăng ký học phần
- b. Kết quả đăng ký học phần là thời khóa biểu chính thức
- c. Sinh viên chỉ cần lưu kết quả đăng ký trên mạng là được
- d. Sinh viên in kết quả đăng ký để đối chiếu khi có sự thay đổi so với thời khóa biểu

Câu 24: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đối tượng nào được tạm dừng học tập và bảo lưu kết quả học tập:

- a. Sinh viên thi hành nghĩa vụ quân sự; sinh viên bị bệnh có hồ sơ bệnh án hợp lệ đề nghị cho nghỉ; sinh viên đã học tại trường ít nhất là 1 học kỳ trọn vẹn và điểm TBCTL không dưới 2,00
- b. Sinh viên thi hành nghĩa vụ quân sự; sinh viên bị bệnh có hồ sơ bệnh án hợp lệ đề nghị cho nghỉ; sinh viên đã học tại trường ít nhất là 2 học kỳ trọn vẹn và điểm TBCTL không dưới 2,00
- c. Sinh viên thi hành nghĩa vụ quân sự; sinh viên bị bệnh có hồ sơ bệnh án hợp lệ đề nghị cho nghỉ; sinh viên đã học tại trường ít nhất là 2 học kỳ trọn vẹn
- d. Tất cả sinh viên có nhu cầu

Câu 25: Sinh viên đại học, cao đẳng chính quy có thời gian đào tạo theo thứ tự:

- a. Tối đa 4 năm và 3 năm
- b. Tối đa 5 năm và 4 năm
- c. Tối đa 6 năm và 4 năm
- d. Tối đa 8 năm và 6 năm

Câu 26: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Các trường hợp sinh viên buộc tạm dừng học tập:

- a. Không đóng học phí theo quy định
- b. Không đăng ký học phần

- c. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học
- d. Không đăng ký các học phần học lại

Câu 27: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Các trường hợp sinh viên đại học, cao đẳng bị cảnh báo học vụ:

- a. Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- b. Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba
- c. Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 28: Chọn câu trả lời chính xác và đầy đủ nhất:

Trường sẽ ra quyết định buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên nếu sinh viên:

- a. Đã hết thời gian đào tạo kể cả thời gian kéo dài (theo quyết định của Hiệu trưởng) mà chưa hội đủ điều kiện để tốt nghiệp và nhận bằng
- b. Tạm dừng học tập quá thời gian quy định
- c. Đã bị cảnh báo học vụ liên tục 2 lần
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 29: Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học ngoài lý do bị kỷ luật được quyền nộp đơn xin xét chuyển sang học các chương trình:

- a. Ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình vừa làm vừa học tương ứng
- b. Ngành khác cùng trình độ nhưng với loại hình vừa làm vừa học
- c. Ở trình độ thấp hơn và cùng ngành đào tạo
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 30: Điều kiện để sinh viên đại học, cao đẳng chính quy được phép học cùng lúc hai chương trình:

- a. Tất cả các sinh viên có nhu cầu
- b. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ hai năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu
- c. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 31: Điều kiện để sinh viên đại học, cao đẳng chính quy được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai là:

- a. Hoàn tất chương trình thứ hai
- b. Hoàn tất chương trình thứ nhất
- c. Khi đã được xét tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất
- d. Khi đã được xét tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và hoàn tất chương trình thứ hai

Câu 32: Chọn đáp án chính xác và đầy đủ nhất

Trường hợp nào sinh viên được miễn thi?

- a. Sinh viên đạt điểm cao trong các kỳ thi Olympic cấp quốc gia, quốc tế của học phần.
- b. Sinh viên có báo cáo chuyên đề cấp Bộ, cấp Quốc gia về lĩnh vực trực tiếp liên quan đến học phần.
- c. Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, cấp quốc gia về lĩnh vực trực tiếp liên quan tới học phần
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 33: Trong thang điểm chữ, điểm nào không đạt?

- a. Điểm A
- b. Điểm F
- c. Điểm D
- d. Điểm C

Câu 34: Trong sự quy đổi thang điểm 10 về thang điểm chữ dưới đây, trường hợp nào không chính xác:

- a. 8.5 – 10 tương đương A
- b. 8.0 – 8.4 tương đương B⁺
- c. 5.5 – 6.4 tương đương C⁺
- d. 4.0 – 4.9 tương đương D

Câu 35: Chọn đáp án đúng:

Xếp loại học tập học kỳ đối với hệ đại học, cao đẳng chính quy như sau:

- a. Xuất sắc: 3.6 – 4.0; Giỏi: 3.2 – 3.59; Khá: 2.5 – 3.19; Trung bình: 2.0 – 2.49; Trung bình yếu: 1.0 – 1.99; Kém: <1.0
- b. Xuất sắc: 3.6 – 4.0; Giỏi: 3.0 – 3.59; Khá: 2.5 – 3.0; Trung bình: 2.0 – 2.49; Trung bình yếu: 1.0 – 1.99; Kém: <1.0
- c. Xuất sắc: 3.6 – 4.0; Giỏi: 3.4 – 3.59; Khá: 2.5 – 3.39; Trung bình: 2.0 – 2.49; Trung bình yếu: 1.0 – 1.99; Kém: <1.0
- d. Xuất sắc: 3.6 – 4.0; Giỏi: 3.4 – 3.59; Khá: 2.51 – 3.39; Trung bình: 2.0 – 2.5; Trung bình yếu: 1.0 – 1.99; Kém: <1.0

Câu 36: Quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho khối không chuyên ngành công nghệ thông tin trình độ đại học, cao đẳng, đại học liên thông từ khóa tuyển sinh 2016 trở đi là:

- a. Đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT và Thông tư 07/2015 TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- b. Chứng chỉ A và Chứng chỉ B
- c. Chứng chỉ B
- d. Chứng chỉ B hoặc chứng nhận tương đương

Câu 37: Trong các điều kiện sau đây, điều kiện nào không phù hợp để xét tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng?

- a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập
- b. Có chứng chỉ ngoại ngữ và tin học theo quy định của Trường

- c. Điểm TBCTL của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên
- d. Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất

Câu 38: Chọn câu trả lời không chính xác:

- a. Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, có quyền từ chối làm khóa luận để học học phần bổ sung
- b. Sinh viên có quyền đăng ký xét tốt nghiệp sớm khi đủ điều kiện tốt nghiệp
- c. Muốn xét tốt nghiệp sinh viên phải làm đơn
- d. Sinh viên không được xét tốt nghiệp nếu chưa có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường

Câu 39: Trong đào tạo tín chỉ đối với trình độ đào tạo đại học, cao đẳng, hằng năm trường xét tốt nghiệp:

- a. 3 lần
- b. 4 lần
- c. 2 lần
- d. 1 lần

Câu 40: Để phúc khảo điểm thi cuối kỳ, sinh viên nộp đơn tại:

- a. Phòng Đào tạo
- b. Tại khoa quản lý sinh viên
- c. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- d. Trung tâm tuyển sinh và dịch vụ đào tạo

Câu 41: Chọn câu trả lời chính xác nhất:

Trong trường hợp nào hạng tốt nghiệp loại xuất sắc và giỏi của sinh viên đại học sẽ bị giảm 1 bậc?

- a. Có số TC của các học phần phải học lại vượt quá 10% tổng số TC toàn khóa
- b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách ở cấp trường trở lên
- c. Có số TC của các học phần phải học lại vượt quá 15% tổng số TC toàn khóa
- d. Có số TC của các học phần phải học lại vượt quá 5% tổng số TC toàn khóa

Câu 42: Chọn câu trả lời chính xác nhất:

Trong trường hợp nào hạng tốt nghiệp loại xuất sắc và giỏi của sinh viên cao đẳng sẽ bị giảm 1 bậc?

- a. Có số TC của các học phần phải học lại vượt quá 5% tổng số TC toàn khóa
- b. Có một môn học trở lên trong khóa học phải thi lại
- c. Có thời gian tạm dừng học tập vì lý do cá nhân
- d. Các đáp án kia đều đúng [
]

Câu 43: Chọn câu trả không chính xác:

Khi vào phòng thi, sinh viên phải tuân thủ các quy định sau:

- a. Xuất trình thẻ sinh viên hoặc các giấy tờ tùy thân có dán ảnh khi CBCT yêu cầu.
- b. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản và các giáo trình tài liệu (nếu đề thi cho phép)
- c. Được đưa các phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình

d. Trước khi làm bài thi phải ghi đầy đủ họ tên, số báo danh (hoặc số thứ tự theo danh sách) vào giấy thi và nhất thiết phải yêu cầu cả hai CBCT ký và ghi rõ họ tên vào giấy thi

Câu 44: Chương trình đào tạo của một ngành gồm:

- a. Khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- b. Khối kiến thức khoa học xã hội nhân văn, toán-khoa học tự nhiên-tin học, khối kiến thức chuyên ngành
- c. Khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên ngành
- d. Cả ba câu kia đều đúng

Câu 45: Chọn câu trả lời chính xác nhất:

Một tín chỉ được quy định bằng

- a. 15 tiết học lý thuyết; 60 tiết bài tập, thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; 90 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.
- b. 15 tiết học lý thuyết; 30-45 tiết bài tập, thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; 45-60 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.
- c. 30 tiết học lý thuyết; 45 tiết bài tập, thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.
- d. Cả ba câu kia đều đúng

Câu 46: Số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo của

- a. Đại học chính quy: 120 tín chỉ, Cao đẳng chính quy: 81 tín chỉ
- b. Đại học chính quy: 142 tín chỉ, Cao đẳng chính quy: 124 tín chỉ
- c. Đại học chính quy: 124 tín chỉ, Cao đẳng chính quy: 100 tín chỉ
- d. Đại học chính quy: 142 tín chỉ, Cao đẳng chính quy: 124 tín chỉ

Câu 47: Trong các định nghĩa dưới đây, định nghĩa nào không chính xác?

- a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp
- b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình
- c. Học phần tương đương là học phần thuộc CTĐT một khóa – ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường có nội dung tương đương hoặc bao trùm sâu – rộng hơn, được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT của ngành đào tạo
- d. Học phần A được gọi là học phần thay thế cho học phần B khi nó có cùng thời lượng tín chỉ

Câu 48: Chọn câu trả lời không chính xác:

Trong chương trình đào tạo đại học liên thông

- a. Có học phần khóa luận tốt nghiệp

- b. Có học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương
- c. Có học phần thực tập tốt nghiệp
- d. Có các học phần học bổ sung

Câu 49: Chọn câu trả lời không chính xác:

Để xem các thông báo về đào tạo, chương trình đào tạo, các thông tin học vụ, tốt nghiệp, quy chế, quy định về đào tạo, ...sinh viên vào trang web có địa chỉ:

- a. www.cntp.vn
- b. <http://eduweb.hufi.vn/>
- c. <http://sinhvien.hufi.edu.vn/>
- d. <http://training.hufi.vn/>

Câu 50: Để xem lịch thi, thời khóa biểu, xem học phí và kết quả học tập trên mạng, sinh viên vào trang web có địa chỉ:

- a. www.cntp.vn
- b. <http://sinhvien.hufi.edu.vn/>
- c. www.cntp.edu.vn và www.hufi.vn
- d. <http://training.hufi.vn/>



PHẦN 3. THÔNG TIN QUY CHẾ SINH VIÊN VÀ NỘI QUY HỌC TẬP

Câu 51: Khi đến trường, sinh viên cần chú ý điều gì về trang phục:

- a. Mặc trang phục tự do theo ý thích
- b. Mặc đồng phục theo Quy định
- c. Mặc trang phục tự do, lịch sự
- d. Mặc đồng phục và đeo thẻ sinh viên theo Quy định

Câu 52: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học.
- b. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển.
- c. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- d. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.

Câu 53: Trường hợp sinh viên đi trễ, nghỉ học không phép, quá phép, bỏ tiết giảng viên sẽ mời ra khỏi lớp, lúc ấy sinh viên phải:

- a. Đến Phòng Đào tạo nhận giấy phép trình giảng viên mới được vào lớp
- b. Đến Khoa nhận giấy phép trình lại giảng viên mới được vào lớp
- c. Đến phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên giải quyết theo quy định và nhận giấy vào lớp trình lại giảng viên giảng dạy
- d. Đến gặp giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập để giải quyết

Câu 54: Khi cần nghỉ học nhiều hơn 3 ngày thì sinh viên phải:

- a. Xin phép giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập
- b. Xin phép ban Chủ nhiệm Khoa
- c. Xin phép phòng CTCT- HSSV
- d. Đến phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên nhận đơn và trình Ban Giám hiệu nhà trường giải quyết

Câu 55: Trường hợp mất thẻ sinh viên, sinh viên phải thực hiện quy trình làm lại thẻ tại:

- a. Trung tâm Thư viện
- b. Phòng Kế hoạch Tài chính và phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên
- c. Phòng Đào tạo
- d. Khoa chuyên ngành sinh viên theo học

Câu 56: Lựa chọn đáp án đúng và đầy đủ nhất thể hiện quyền của học sinh – sinh viên khi tham học tập tại trường:

- a. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển
- b. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng
- c. Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện
- d. Các đáp án kia đều đúng

Câu 57: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên:

- a. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển

- b. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiêu nại trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong trường hoặc ngoài xã hội.
- c. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.
- d. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

Câu 58: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên:

- a. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và HSSV khác.
- b. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp học.
- c. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- d. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.

Câu 59: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên

- a. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển.
- b. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiêu nại trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong trường hoặc ngoài xã hội.
- c. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.
- d. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp học.

Câu 60: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên:

- a. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiêu nại trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong trường hoặc ngoài xã hội.
- b. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.
- c. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.
- d. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước

Câu 61: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên:

- a. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường; được đề đạt nguyện vọng của mình lên hiệu trưởng.
- b. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.
- c. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học.
- d. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

Câu 62: Hãy xác định đâu là quyền của học sinh sinh viên:

- a. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bằng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

- b. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.
- c. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học.
- d. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

Câu 63: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục đại học.
- b. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển.
- c. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- d. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.

Câu 64: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- b. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.
- c. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước.
- d. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

Câu 65: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.
- b. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường; được đề đạt nguyện vọng của mình lên hiệu trưởng.
- c. Được tiếp nhận vào ký túc xá và ưu tiên khi sắp xếp vào ở KTX theo quy định.
- d. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

Câu 66: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- b. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.
- c. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước.
- d. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục đại học.

Câu 67: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước.

- b. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.
- c. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
- d. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước.

Câu 68: Hãy xác định đâu là nghĩa vụ của học sinh sinh viên

- a. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.
- b. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển.
- c. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng.
- d. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.



PHẦN 4. THÔNG TIN QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Câu 69: Kết quả rèn luyện của năm học là kết quả của:

- a. Điểm rèn luyện của học kỳ 1 của năm học đó
- b. Điểm rèn luyện của học kỳ 2 của năm học đó
- c. Trung bình cộng điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó
- d. Điểm rèn luyện của học kỳ có kết quả cao hơn trong năm học đó

Câu 70: Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị:

- a. Buộc thôi học
- b. Phải tạm ngừng học một học kỳ ở học kỳ tiếp theo
- c. Phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo
- d. Phải tạm ngừng học hai năm học

Câu 71: Kết quả điểm rèn luyện của toàn khóa học là kết quả của:

- a. Trung bình chung điểm rèn luyện hai học kỳ cao nhất của khóa học đó
- b. Trung bình chung điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học
- c. Điểm rèn luyện của năm học có kết quả cao nhất trong toàn khóa học
- d. Điểm rèn luyện của năm học cuối của khóa học đó

Câu 72: Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành theo thời gian nào:

- a. Theo học kỳ
- b. Theo năm học
- c. Theo khóa học
- d. Theo học kỳ, năm học và khóa học

Câu 73: Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì:

- a. Bị buộc thôi học
- b. Phải tạm ngừng học một học kỳ ở học kỳ tiếp theo
- c. Phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo
- d. Phải tạm ngừng học hai năm học

Câu 74: Cơ sở để xét học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên là:

- a. Kết quả học tập
- b. Kết quả học tập và kết quả xếp loại rèn luyện
- c. Kết quả học tập và kết quả điểm công tác xã hội
- d. Kết quả học tập, kết quả xếp loại rèn luyện và kết quả điểm công tác xã hội

Câu 75: Sinh viên được xét cấp học bổng khuyến khích học tập phải đạt điều kiện tối thiểu nào về kết quả rèn luyện:

- a. Xếp loại rèn luyện loại trung bình trở lên
- b. Xếp loại rèn luyện loại khá trở lên
- c. Xếp loại rèn luyện loại tốt trở lên
- d. Xếp loại rèn luyện loại xuất sắc

Câu 76: Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên dựa trên mấy nội dung:

- a. 3
- b. 4
- c. 5

d. 6

Câu 77: Thang điểm tối đa đánh giá rèn luyện đạo đức của sinh viên là:

- a. 80 điểm
- b. 90 điểm
- c. 100 điểm
- d. 200 điểm

Câu 78: Điểm rèn luyện đạt từ 35 điểm đến 49 điểm đạt rèn luyện loại:

- a. Trung bình khá
- b. Trung bình
- c. Yếu
- d. Kém

Câu 79: Sinh viên có điểm rèn luyện đạt từ 80 đến 89 điểm được xếp loại rèn luyện loại nào?

- a. Xuất sắc
- b. Tốt
- c. Khá
- d. Trung bình

Câu 80: Nếu sinh viên vi phạm qui chế thi ở mức bị khiển trách thì số điểm rèn luyện ở mục chấp hành quy định trong các kỳ thi sẽ là:

- a. 1 điểm
- b. 3 điểm
- c. 5 điểm
- d. 7 điểm

Câu 81: Nếu sinh viên vi phạm qui chế thi ở mức bị cảnh cáo thì số điểm rèn luyện ở mục chấp hành quy định trong các kỳ thi sẽ là:

- a. 1 điểm
- b. 3 điểm
- c. 5 điểm
- d. 7 điểm

Câu 82: Sinh viên không bị cấm thi sẽ được tính điểm rèn luyện là:

- a. 1 điểm
- b. 3 điểm
- c. 5 điểm
- d. 7 điểm

Câu 83: Nếu sinh viên kê khai không trung thực nơi tạm trú thì điểm rèn luyện của mục chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cơ quan chỉ đạo cấp trên sẽ là:

- a. 1 điểm
- b. 3 điểm
- c. 5 điểm
- d. 7 điểm

Câu 84: Sinh viên tham gia các hoạt động trái phép trong Trường (bán hàng đa cấp, bán bảo hiểm, bán tài liệu, đề thi pho to, lôi kéo sinh viên vào các hoạt động xã hội khác...) sẽ bị trừ điểm rèn luyện, số điểm trừ là:

- a. 10 điểm
- b. 15 điểm
- c. 20 điểm
- d. 25 điểm

Câu 85: Sinh viên có hành vi gây rối an ninh trật tự/ lưu hành văn hóa phẩm xấu và các tệ nạn xã hội khác trong Trường chưa đến mức bị xử lý kỷ luật sẽ bị trừ điểm rèn luyện, số điểm trừ là:

- a. 10 điểm
- b. 15 điểm
- c. 20 điểm
- d. 25 điểm

Câu 86: Sinh viên được biểu dương, khen thưởng vì có thành tích trong các hoạt động cấp Trường, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Trường sẽ được tính điểm rèn luyện là:

- a. 1 điểm/ hoạt động
- b. 5 điểm/ hoạt động
- c. 5 điểm/ hoạt động
- d. 7 điểm/ hoạt động

Câu 87: Kết quả rèn luyện củ sinh viên được phân làm mấy loại:

- a. 4 loại
- b. 5 loại
- c. 6 loại
- d. 7 loại

Câu 88: Kết quả rèn luyện từng học kỳ là cơ sở để:

- a. Phân loại rèn luyện cả năm học
- b. Làm tiêu chuẩn xét học tiếp, ngừng học
- c. Làm tiêu chuẩn xét thi đua khen thưởng
- d. Phân loại rèn luyện cả năm học, làm tiêu chuẩn xét học tiếp, ngừng học và xét thi đua khen thưởng

Câu 89: Kết quả xếp loại rèn luyện của sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để:

- a. Xét tốt nghiệp,
- b. Xét lên lớp
- c. Xét khen thưởng
- d. Xét tốt nghiệp, lên lớp và khen thưởng

Câu 90: Nội dung nào thể hiện đầy đủ mục đích của việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên?

- a. Việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân
- b. Việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên nhằm giúp sinh viên nâng cao ý thức chấp hành quy định của nhà trường

c. Việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là giáo dục con người Việt Nam sống tốt và làm việc hiệu quả đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

d. Việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

Câu 91: Sinh viên hoạt động tích cực tại câu lạc bộ, đội, nhóm về học tập, nghiên cứu khoa học sẽ được tính điểm rèn luyện như thế nào?

- a. 1 điểm/ hoạt động
- b. 5 điểm/ hoạt động
- c. 3 điểm/ hoạt động
- d. 4 điểm/ hoạt động

Câu 92: Nếu vắng buổi sinh hoạt lớp thì sinh viên sẽ bị trừ bao nhiêu điểm một lần vắng?

- a. 2 điểm/ lần
- b. 3 điểm/ lần
- c. 4 điểm/ lần
- d. 5 điểm/ lần

Câu 93: Nếu vi phạm quy định về công tác sinh viên chưa đến mức khiển trách (về đồng phục, thẻ tên, nội quy Thư viện, Ký túc xá, Xưởng, Phòng thực hành...) thì sinh viên sẽ bị trừ bao nhiêu điểm một lần vi phạm?

- a. 2 điểm/ lần
- b. 3 điểm/ lần
- c. 4 điểm/ lần
- d. 5 điểm/ lần

Câu 94: Nếu sinh viên đạt giải I, II cấp thành phố, khu vực, giải I, II, III, khuyến khích cấp toàn quốc, đạt thành tích cấp tỉnh, thành phố trở lên về các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội thì sẽ được cộng bao nhiêu điểm rèn luyện trong học kỳ?

- a. 5 điểm
- b. 7 điểm
- c. 10 điểm
- d. 15 điểm

Câu 95: Nếu trong học kỳ sinh viên thuộc trường hợp nâng một bậc kết quả rèn luyện đã đạt kết quả rèn luyện xuất sắc thì sẽ được:

- a. Bảo lưu kết quả nâng bậc rèn luyện cho học kỳ sau
- b. Bảo lưu kết quả nâng bậc rèn luyện cho năm học sau
- c. Bảo lưu kết quả nâng bậc rèn luyện cho năm học cuối
- d. Bảo lưu kết quả nâng bậc rèn luyện cho học kỳ cuối cùng

Câu 96: Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách thì khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá:

- a. Loại tốt
- b. Loại khá
- c. Loại trung bình
- d. Loại yếu

Câu 97: Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo thì khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá:

- a. Loại tốt
- b. Loại khá
- c. Loại trung bình
- d. Loại yếu

Câu 98: Đơn vị nào trong trường không quản lý và thực hiện việc đánh giá kết quả rèn luyện?

- a. Khoa đào tạo
- b. Phòng Đào tạo
- c. Phòng CTCT – HSSV
- d. Trung tâm Tuyển sinh



PHẦN 5. THÔNG TIN QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Câu 99: SV đạt kết quả học tập loại xuất sắc và rèn luyện loại xuất sắc thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 100: SV đạt kết quả học tập loại xuất sắc và rèn luyện loại tốt thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 101: SV đạt kết quả học tập loại xuất sắc và rèn luyện loại khá thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 102: SV đạt kết quả học tập loại giỏi và rèn luyện loại xuất sắc thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 103: SV đạt kết quả học tập loại giỏi và rèn luyện loại tốt thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 104: SV đạt kết quả học tập loại giỏi và rèn luyện loại khá thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập loại:

- a. Xuất sắc
- b. Giỏi
- c. Khá
- d. Tốt

Câu 105: Thời gian cấp, xét học bổng khuyến khích học tập theo:

- a. Năm học
- b. Học kỳ
- c. Khóa học
- d. Năm học, học kỳ và khóa học

Câu 106: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì có mấy loại học bổng khuyến khích học tập:

- a. 2 loại
- b. 3 loại
- c. 4 loại
- d. 5 loại

Câu 107: Trường hợp nào sau đây không được xét học bổng khuyến khích học tập:

- a. Sinh viên đại học chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- b. Sinh viên cao đẳng chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- c. Sinh viên cao đẳng nghề chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- d. Sinh viên hệ liên thông chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học

Câu 108: Điều kiện để được xét học bổng khuyến khích học tập trong mỗi học kỳ là gì?

- a. Sinh viên có quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên
- b. Sinh viên không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng
- c. Sinh viên hệ chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- d. Các đáp án trên đều đúng

Câu 109: Trường hợp nào sau đây được xét học bổng khuyến khích học tập:

- a. Sinh viên hệ chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- b. Sinh viên chương trình đào tạo văn bằng hai đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- c. Sinh viên chương trình đào tạo liên kết đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học
- d. Sinh viên hệ liên thông chính quy đang trong thời gian đào tạo theo kế hoạch của khóa học

Câu 110: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng tài năng được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường.
- b. Chỉ áp dụng cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- c. Chỉ áp dụng cho sinh viên các chương trình đào tạo liên kết tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- d. Chỉ áp dụng cho sinh viên hệ liên thông chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.

Câu 111: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng tài năng được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- Chỉ áp dụng cho sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường.
- Áp dụng cho sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường và sinh viên hệ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- Chỉ áp dụng cho sinh viên các chương trình đào tạo liên kết tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- Chỉ áp dụng cho sinh viên hệ liên thông chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.

Câu 112: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng tài năng *không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- Sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường.
- Sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- Sinh viên hệ cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo
- Sinh viên đang theo học dưới hình thức liên thông tại trường.

Câu 113: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng tài năng *không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- Sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường.
- Sinh viên hệ cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo
- Sinh viên đang theo học dưới hình thức vừa làm vừa học tại trường.
- Sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.

Câu 114: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng tài năng *không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- Sinh viên đang theo học dưới hình thức văn bằng hai tại trường.
- Sinh viên năm nhất theo học hệ chính quy bậc đại học đạt tổ hợp điểm Thủ khoa, Á khoa đầu vào (tuyển sinh) của Trường.
- Sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo.
- Sinh viên hệ cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy tại Trường từ năm thứ hai trở đi đạt thành tích Thủ khoa ngành đào tạo

Câu 115: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì *học bổng sinh viên vượt khó* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên đang theo học dưới hình thức vừa học vừa làm tại trường.
- b. Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.
- c. Sinh viên đang theo học dưới hình thức liên thông tại trường.
- d. Sinh viên đang theo học các chương trình liên kết đào tạo tại trường.

Câu 116: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì *học bổng sinh viên vượt khó* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn.
- b. Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ, mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc cha, mẹ bị bệnh hiểm nghèo.
- c. Sinh viên bị tàn tật, bị bệnh hiểm nghèo.
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 117: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì *học bổng sinh viên vượt khó không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên dân tộc thiểu số.
- b. Sinh viên thuộc gia đình hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn.
- c. Sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo.
- d. Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ, hoặc cha, mẹ bị bệnh hiểm nghèo.

Câu 118: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì *học bổng sinh viên vượt khó không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo.
- b. Sinh viên thuộc gia đình hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn.
- c. Sinh viên là con thương binh, bệnh binh.
- d. Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ, hoặc cha, mẹ bị bệnh hiểm nghèo.

Câu 119: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì *học bổng sinh viên vượt khó không* được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

- a. Sinh viên đang theo học dưới hình thức *vừa học vừa làm* tại trường, có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.
- b. Sinh viên đại học chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.
- c. Sinh viên cao đẳng chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

d. Sinh viên cao đẳng nghề chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

Câu 120: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng sinh viên vượt khó không được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

a. Sinh viên đại học chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

b. Sinh viên đang theo học dưới hình thức *liên thông* tại trường, có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

c. Sinh viên cao đẳng chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

d. Sinh viên cao đẳng nghề chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

Câu 121: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì học bổng sinh viên vượt khó không được áp dụng cho đối tượng nào sau đây:

a. Sinh viên cao đẳng chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

b. Sinh viên đại học chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

c. Sinh viên đang theo học *các chương trình liên kết đào tạo* tại trường, có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

d. Sinh viên cao đẳng nghề chính quy có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế và có ý chí vươn lên, có tinh thần cầu tiến, vượt qua khó khăn phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

Câu 122: Theo quy định về việc quản lý, sử dụng học bổng, khen thưởng, hỗ trợ sinh viên hiện nay của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thì việc *khen thưởng sinh viên đạt thành tích ngoại khóa* được tiến hành khi nào:

a. Theo học kỳ

b. Theo năm học

c. Theo khóa học

d. Theo định kỳ 2 năm một lần

Câu 123: Đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi giáo dục của địa phương là:

a. SV là thành viên của gia đình thuộc hộ nghèo

b. SV mồ côi cả cha lẫn mẹ

- c. SV là con của liệt sỹ, con của thương binh, con của bệnh binh
- d. SV là thành viên của gia đình gặp khó khăn về kinh tế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú

Câu 124: Đối tượng được vay vốn tín dụng của ngân hàng là:

- a. SV là con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động trong kháng chiến
- b. SV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động
- c. SV là con của liệt sỹ, con của thương binh, con của bệnh binh
- d. SV bị dị dạng, dị tật

Câu 125: Nội dung nào không chính xác về phương thức cho sinh viên vay vốn tín dụng của ngân hàng:

- a. Việc cho vay tín dụng đối với HSSV được thực hiện tại Ngân hàng Chính sách – Xã hội địa phương theo phương thức thông qua hộ gia đình.
- b. SV là người đứng ra vay và trực tiếp cam kết trả nợ ngân hàng.
- c. Mức vốn cho vay tối đa là 1.500.000 đồng/tháng/ HSSV
- d. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với HSSV được tính theo quy định hiện hành của nhà nước

Câu 126: Theo Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh sinh viên thì hiện nay mức vay tối đa là:

- a. 1.000.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên
- b. 1.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên
- c. 2.000.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên
- d. 2.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Câu 127: Khi cần xác nhận là sinh viên của trường để vay vốn tín dụng, sinh viên đến phòng ban nào để giải quyết:

- a. Trung tâm Thư viện
- b. Phòng Công tác Chính trị-HSSV
- c. Phòng Đào tạo
- d. Khoa chuyên ngành mà sinh viên đang học

Câu 128: Khi xin cấp giấy xác nhận sinh viên để vay vốn tín dụng, sinh viên cần chú ý:

- a. Xuất trình biên lai thu học phí của học kỳ đang học
- b. Mặc đồng phục và đeo thẻ HSSV đúng quy định
- c. Đi đúng lịch cấp phát giấy tờ
- d. Xuất trình biên lai thu học phí của học kỳ trước liền kề, mặc đồng phục và đeo thẻ HSSV đúng quy định, đi đúng lịch cấp phát giấy tờ

Câu 129: Mục đích của việc xác nhận là sinh viên đang học tập tại trường để:

- a. Làm thủ tục tạm hoãn nghĩa vụ quân sự
- b. Làm thủ tục hưởng trợ cấp ưu đãi giáo dục tại địa phương
- c. Làm thủ tục bổ túc hồ sơ xin việc, đăng ký tạm trú, mua vé xe buýt,...
- d. Các đáp án trên đều đúng

Câu 130: Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay được thực hiện theo Nghị định nào?

- a. Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ
- b. Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ
- c. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ
- d. Các đáp án trên đều đúng



PHẦN 6. THÔNG TIN QUY ĐỊNH MÔN HỌC GDNN-CTXH

Câu 131: Chương trình môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội tại trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM hiện nay được áp dụng đối với đối tượng sinh viên nào?

- a. Chỉ áp dụng cho sinh viên các hệ đại học chính quy
- b. Chỉ áp dụng cho sinh viên các cao đẳng chính quy
- c. Áp dụng cho sinh viên các hệ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy
- d. Áp dụng cho sinh viên các hệ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề chính quy và trung cấp chuyên nghiệp

Câu 132: Hoạt động nào sau đây không được tính điểm Công tác xã hội?

- a. Tham gia cô vũ hội diễn văn nghệ cấp trường
- b. Tham gia hỗ trợ các đơn vị trong trường theo huy động của phòng CTCT-HSSV
- c. Tham gia lao động công ích làm xanh sạch đẹp môi trường tại các cơ sở trường
- d. Tham gia thăm mái ấm nhà mở, các cơ sở tình thương

Câu 133: Trong hội diễn văn nghệ cấp khoa hoặc cấp trường, hoạt động nào sau đây chắc chắn được tính điểm Công tác xã hội?

- a. Tham gia cô vũ
- b. Tham gia làm MC
- c. Tham gia Ban tổ chức của hoạt động
- d. Tham gia biểu diễn tiết mục

Câu 134: Khi có thắc mắc về điểm công tác xã hội cập nhật hàng tháng, sinh viên cần liên hệ đơn vị nào đầu tiên?

- a. Ban tổ chức hoạt động Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội
- b. Phòng CTCT-HSSV
- c. Ban cán sự lớp
- d. Đơn vị sở tại nơi hoạt động CTXH được diễn ra

Câu 135: Để xem điểm trực tiếp môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội, Sinh viên cần xem tại đâu?

- a. Thông báo từ Ban cán sự lớp
- b. Thông báo tại văn phòng khoa
- c. Trên website và facebook phòng CTCT-HSSV
- d. Trên website trường

Câu 136: Hiến máu nhân đạo là một nghĩa cử cao đẹp vì cộng đồng. Trong môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội, quy định nào là đúng về hoạt động này?

- a. Điểm công tác xã hội đối với hoạt động hiến máu nhân đạo là 10 điểm/01Lần hiến máu.
- b. Hiến máu nhân đạo là hoạt động bắt buộc đối với sinh viên
- c. Chỉ hiến máu nhân đạo do trường tổ chức mới được cộng điểm công tác xã hội
- d. Hiến máu nhân đạo là hoạt động không bắt buộc đối với sinh viên và được cộng điểm CTXH là 25 điểm/01Lần hiến máu (có GCN)

Câu 137: Để tích lũy điểm công tác xã hội khi tham gia nhóm công việc hỗ trợ các đơn vị trong trường, sinh viên cần đăng ký tham gia tại đâu?

- a. Tại ban cán sự lớp
- b. Tại một đơn vị duy nhất là phòng CTCT-HSSV
- c. Tại phòng ban nào có yêu cầu hỗ trợ sinh viên tham gia CTXH
- d. Tại câu lạc bộ Công tác xã hội

Câu 138: Đơn vị nào phụ trách giải đáp thắc mắc về kết quả cập nhật điểm công tác xã hội cho sinh viên?

- a. Ban tổ chức hoạt động Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội
- b. Phòng Công tác chính trị - HSSV
- c. Ban cán sự lớp
- d. Đơn vị sở tại nơi hoạt động CTXH được diễn ra

Câu 139: Đơn vị triển khai và phục trách môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội tại trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM hiện nay là đơn vị nào?

- a. Phòng Đào tạo
- b. Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên
- c. Đoàn thanh niên trường
- d. Hội sinh viên trường

Câu 140: Phát biểu nào đúng về môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội tại trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM hiện nay ?

- a. Đây là môn học tự chọn và không bắt buộc đối với sinh viên đang học tập tại trường
- b. Đây là môn học chỉ được triển khai trong năm học đầu tiên khi vào trường
- c. Sinh viên cần phải đạt các điều kiện về môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội mới được xét làm đồ án tốt nghiệp.
- d. Khi đủ điều kiện, sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội, làm điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp chính thức

Câu 141: Tham quan địa chỉ đỏ là một trong những hoạt động được quy định trong môn học Giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về hoạt động này?

- a. Tham quan địa chỉ đỏ là một trong những hoạt động nằm trong nhóm công việc bắt buộc đối với sinh viên
- b. Tham quan địa chỉ đỏ là một trong những hoạt động nằm trong nhóm công việc không bắt buộc đối với sinh viên
- c. Mỗi sinh viên chỉ được đăng ký tham quan địa chỉ đỏ duy nhất 01 lần
- d. Sinh viên có thể tự tổ chức tham quan địa chỉ đỏ để tích lũy điểm công tác xã hội

Câu 142: Khi lập kế hoạch thực hiện các hoạt động công tác xã hội cần đảm bảo yếu tố nào?

- a. Chỉ cần đảm bảo tính an toàn cho hoạt động
- b. Chỉ cần đảm bảo nội dung ý nghĩa cho hoạt động
- c. Chỉ cần đảm bảo đúng trình tự thủ tục quy trình
- d. Cần đảm bảo nội dung ý nghĩa, tính an toàn và đầy đủ, đúng thủ tục quy trình

Câu 143: Khi tham gia các hoạt động công tác xã hội ngoài trường, để tính điểm công tác xã hội, sinh viên cần làm gì?

- a. Phôtô giấy chứng nhận, kèm theo bản chính để đối chiếu
- b. Chỉ cần nộp bản chính giấy chứng nhận tại phòng CTCT-HSSV
- c. Chỉ cần nộp bản phôtô giấy chứng nhận tại phòng CTCT-HSSV
- d. Chỉ cần báo thông tin về phòng CTCT-HSSV mà không cần minh chứng

Câu 144: Trường hợp nào sau đây được tính điểm công tác xã hội?

- a. Tham gia sinh hoạt hè tại chi đoàn ở địa phương nơi cư trú.
- b. Tham gia hoạt động do các cá nhân, tổ chức bên ngoài trường huy động trong khi kế hoạch không được phòng CTCT-HSSV thông qua
- c. Tham gia các hoạt động xã hội bên ngoài trường, có giấy khen đạt thành tích xuất sắc của địa phương/đơn vị tổ chức cấp
- d. Tập thể lớp tự tổ chức đi tham quan dã ngoại bên ngoài trường

Câu 145: Trường hợp nào sau đây không được tính điểm công tác xã hội?

- a. Tiếp sức mùa thi và mùa hè xanh
- b. Tham quan chùa chiền, danh lam thắng cảnh
- c. Hội diễn văn nghệ các cấp
- d. Hỗ trợ bắt cướp, giữ gìn an ninh trật tự

Câu 146: Tham gia tiếp sức mùa thi được tính điểm công tác xã hội như thế nào?

- a. 25 điểm/ Lần tham gia
- b. 50 điểm/ Lần tham gia
- c. 75 điểm/ Lần tham gia
- d. 100 điểm/ Lần tham gia

Câu 147: Tham gia mùa hè xanh tình nguyện được tính điểm công tác xã hội như thế nào?

- a. 100 điểm/ Lần tham gia
- b. 75 điểm/ Lần tham gia
- c. 50 điểm/ Lần tham gia
- d. 25 điểm/ Lần tham gia

Câu 148: Tham gia hoạt động hỗ trợ nghiệp vụ cho các đơn vị trong trường được tính điểm công tác xã hội như thế nào?

- a. 10 điểm/ Buổi
- b. 15 điểm/ Buổi
- c. 20 điểm/ Buổi
- d. 25 điểm/ Buổi

Câu 149: Tham gia hoạt động giữ gìn an ninh trật tự trong trường được tính điểm công tác xã hội như thế nào?

- a. 10 điểm/ Buổi
- b. 15 điểm/ Buổi
- c. 20 điểm/ Buổi
- d. 25 điểm/ Buổi

Câu 150: Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường như “Chủ nhật xanh”, “Lớp học không rác”, “Sân trường sạch, đẹp”,... được tính điểm công tác xã hội như thế nào?

- a. 25 điểm/ Buổi
- b. 20 điểm/ Buổi

- c. 15 điểm/ Buổi
- d. 10 điểm/ Buổi



PHẦN 7. THÔNG TIN QUY ĐỊNH CÔNG TÁC NGOẠI TRÚ

Câu 151: Người đang ở địa phương đó nhưng không có hộ khẩu thường trú thì trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày đến phải đi đăng ký tạm trú?

- a. 10 ngày
- b. 20 ngày
- c. 30 ngày
- d. 40 ngày

Câu 152: Trưởng công an xã, phường, thị trấn trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ của người đăng ký tạm trú thì phải cấp sổ tạm trú cho họ?

- a. 5 ngày
- b. 3 ngày
- c. 2 ngày
- d. 1 ngày

Câu 153: Sổ tạm trú được cấp cho gia đình hoặc cá nhân có giá trị trong các mức thời gian nào sau đây.

- a. 5 tháng
- b. 8 tháng
- c. 1 năm
- d. Không xác định thời hạn

Câu 154: Khi có sự thay đổi về nơi tạm trú sinh viên phải đến phòng nào để khai báo?

- a. Phòng Đào tạo
- b. Phòng Công tác Chính trị & Học sinh Sinh viên
- c. Phòng tuyển sinh
- d. Phòng tổ chức hành chính

Câu 155: Khi đã đăng ký tạm trú mà không sinh sống tại địa phương đó thì trong thời gian mấy tháng công an ở địa phương đó có quyền xóa tên

- a. 2 tháng
- b. 3 tháng
- c. 5 tháng
- d. 6 tháng

Câu 156: Sinh viên phải đăng ký với công an và khai báo với nhà trường về địa chỉ ngoại trú của mình trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày nhập học?

- a. 30 ngày
- b. 20 ngày
- c. 10 ngày
- d. 40 ngày

Câu 157: Khi có sự thay đổi về nơi cư trú (ngoại trú) thì phải báo địa chỉ cư trú mới của mình với Nhà trường trong thời hạn bao nhiêu ngày?

- a. 20 ngày
- b. 30 ngày
- c. 40 ngày

d. 50 ngày

Câu 158: Chọn phát biểu đúng nhất: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh:

- a. Việc kê khai thông tin ngoại trú đối với sinh viên là bắt buộc
- b. Việc kê khai thông tin ngoại trú đối với sinh viên là không bắt buộc.
- c. Việc kê khai thông tin ngoại trú đối với sinh viên là tùy thuộc sinh viên.
- d. Việc kê khai thông tin ngoại trú đối với sinh viên chỉ thực hiện duy nhất một lần trong toàn khóa học.

Câu 159: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, việc kê khai thông tin ngoại trú đối với sinh viên được thực hiện như thế nào?

- a. Thực hiện duy nhất một lần trong mỗi học kỳ.
- b. Thực hiện duy nhất một lần trong mỗi năm học.
- c. Thực hiện duy nhất một lần trong toàn khóa học.
- d. Thực hiện thường xuyên mỗi khi sinh viên thay đổi địa chỉ ngoại trú.

Câu 160: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, khi cần báo thay đổi thông tin ngoại trú, sinh viên báo cho ai?

- a. Sinh viên báo cáo thông tin cho lớp trưởng.
- b. Sinh viên báo cáo thông tin cho bí thư lớp.
- c. Sinh viên báo cáo thông tin cho cố vấn học tập.
- d. Sinh viên báo cáo thông tin cho giáo vụ khoa.

Câu 161: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, khi cần báo thay đổi thông tin ngoại trú, sinh viên báo cho ai?

- a. Sinh viên báo cáo thông tin cho lớp trưởng.
- b. Sinh viên báo cáo thông tin cho giáo vụ khoa.
- c. Sinh viên báo cáo thông tin cho cố vấn học tập..
- d. Sinh viên báo cáo thông tin cho chuyên viên phụ trách công tác ngoại trú trực thuộc phòng Công tác Chính trị & Học sinh Sinh viên.

Câu 162: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, nếu sinh viên không kê khai thông tin ngoại trú theo quy định sẽ bị trừ bao nhiêu điểm rèn luyện trong học kỳ tương ứng?

- a. Trừ 5 điểm.
- b. Trừ 10 điểm.
- c. Trừ 15 điểm.
- d. Trừ 20 điểm.

Câu 163: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, nếu sinh viên không kê khai thông tin ngoại trú theo quy định sẽ bị trừ bao nhiêu điểm rèn luyện trong học kỳ tương ứng?

- a. Không bị trừ điểm

- b. Trừ 5 điểm.
- c. Trừ 10 điểm.
- d. Trừ 15 điểm.

Câu 164: Theo quy định hiện nay về công tác ngoại trú của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, nếu sinh viên kê khai thông tin ngoại không chính xác sẽ bị trừ bao nhiêu điểm rèn luyện trong học kỳ tương ứng?

- a. Trừ 5 điểm.
- b. Trừ 7 điểm.
- c. Trừ 10 điểm.
- d. Trừ 15 điểm.



PHẦN 8. THÔNG TIN QUY ĐỊNH AN NINH TRẬT TỰ TRƯỜNG HỌC

Câu 165: Nội dung nào không thể hiện quyền lợi của sinh viên sinh viên:

- a. Được cung cấp đầy đủ thông tin học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường
- b. Được phổ biến nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên
- c. Tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép
- d. Được kiến nghị, đề đạt giải pháp, ý kiến, nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên

Câu 166: Nội dung nào không thể hiện nghĩa vụ của sinh viên:

- a. Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, nội quy, điều lệ nhà trường, thực hiện tốt nếp sống văn minh.
- b. Tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan
- c. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường
- d. Đóng học phí đúng thời hạn

Câu 167: Sinh viên không được làm những việc nào sau đây:

- a. Tham gia tuyên truyền phòng, chống các tệ nạn xã hội
- b. Tham gia phòng, chống gian lận trong học tập, thi cử
- c. Tham gia phòng, chống tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá
- d. Tham gia các tệ nạn xã hội: Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp; gian lận trong học tập, thi cử, kiểm tra, đánh giá

Câu 168: Những hành vi nào sau đây sinh viên không được làm?

- a. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và HSSV khác.
- b. Gây rối an ninh, trật tự trong trường hoặc nơi công cộng
- c. Tham gia đua xe hoặc cò vũ đua xe trái phép.
- d. Cả 3 đáp án kia đều đúng

Câu 169: Hãy xác định đâu là hành vi mà học sinh sinh viên không được làm?

- a. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và HSSV khác
- b. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục đại học.
- c. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.
- d. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

Câu 170: Hãy xác định đâu là hành vi mà học sinh sinh viên không được làm?

- a. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục đại học.
- b. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
- c. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.
- d. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu nại trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong trường hoặc ngoài xã hội.

Câu 171: Hãy xác định đâu là hành vi mà học sinh sinh viên không được làm?

- a. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.
- b. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục đại học.
- c. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
- d. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.

Câu 172: Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với học sinh sinh viên ở mức nào sau đây?

- a. Áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu ở mức độ nhẹ;
- b. Áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng tính chất tương đối nghiêm trọng
- c. Áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;
- d. Áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo).

Câu 173: Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với học sinh sinh viên ở mức nào sau đây?

- a. Áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu ở mức độ nhẹ;
- b. Áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng tính chất tương đối nghiêm trọng
- c. Áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;

d. Áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo).

Câu 174: Hình thức kỷ luật đình chỉ học tập 1 năm học áp dụng đối với học sinh sinh viên ở mức nào sau đây?

- a. Áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu ở mức độ nhẹ;
- b. Áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng tính chất tương đối nghiêm trọng
- c. Áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;
- d. Áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo).

Câu 175: Hình thức kỷ luật buộc thôi học áp dụng đối với học sinh sinh viên ở mức nào sau đây?

- a. Áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu ở mức độ nhẹ;
- b. Áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng tính chất tương đối nghiêm trọng
- c. Áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;
- d. Áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo).

Câu 176: Khi phát hiện hiện tượng mất an ninh trật tự trong khuôn viên trường, sinh viên cần làm gì?

- a. Hưởng ứng tham gia
- b. Không cần làm gì, chỉ cần tránh càng xa càng tốt
- c. Tự ý xử lý theo kinh nghiệm bản thân
- d. Liên hệ trình báo với các đơn vị chức năng như phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên hoặc bộ phận bảo vệ để xử lý theo quy định.

PHẦN 9. THÔNG TIN CÔNG TÁC ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN

Câu 177: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành lập vào ngày, tháng, năm nào? Do ai sáng lập và lãnh đạo?

- a. 26/3/1931. Do Chủ tịch Hồ Chí Minh
- b. 26/3/1931. Do Đảng Cộng sản VN và Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- c. 26/3/1931. Do Đảng Cộng sản VN và Trần Phú
- d. 26/3/1931. Do Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 178: Bài ca chính thức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có tên là gì? Tác giả là ai?

- a. Thanh niên làm theo lời Bác - Hoàng Hòa
- b. Thanh niên làm theo lời Bác - Hoàng Hà
- c. Kết niên lại – Hoàng Hòa
- d. Lên đảng – Hoàng Hà

Câu 179: Tác giả của huy hiệu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là ai? Ra đời vào thời gian nào?

- a. Hoàng Hòa, 1931
- b. Phạm Tuyên, 1932
- c. Huỳnh Văn Thuận, 1951
- d. Tôn Đức Lượng, 1951

Câu 180: Người Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh đầu tiên là ai?

- a. Lê Hữu Trọng (Lý Tự Trọng).
- b. Nông Văn Dền
- c. Kim Đồng
- d. Võ Thị Sáu

Câu 181: Khi mới thành lập, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có tên là gì?

- a. Đoàn Thanh niên Cộng sản Việt Nam.
- b. Đoàn Thanh niên Cộng sản Đông Dương.
- c. Đoàn Thanh niên Phản đế Đông Dương.
- d. Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương

Câu 182: Anh Lý Tự Trọng đã gửi câu nói gì đến tuổi trẻ Việt Nam?

- a. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”
- b. “Con đường thanh niên chỉ là con đường Cách mạng chứ không phải con đường nào khác”
- c. “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”
- d. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” và “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Câu 183: Chương trình Tiếp sức mùa thi ra đời năm nào và còn có tên gọi khác là gì?

- a. Năm 1996 "Chương trình hỗ trợ thí sinh dự thi đại học, cao đẳng"
- b. Năm 1997 "Chương trình hỗ trợ thí sinh dự thi đại học, cao đẳng"
- c. Năm 1996 "Chương trình hỗ trợ thí sinh"
- d. Năm 1997 “Chương trình hỗ trợ thí sinh"

Câu 184: Đoàn Thanh niên Lao động chính thức mang tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại đâu, thời điểm nào?

- a. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 12/1976.
- c. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (11/1980).
- d. Sau 30/4/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định đổi tên

Câu 185: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào?

- a. Hợp tác, bình đẳng, phối hợp và thống nhất hành động.
- b. Tập trung dân chủ.
- c. Hiệp thương dân chủ.
- d. Tự nguyện, tự quản.

Câu 186: Hãy cho biết cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn TNCS HCM?

- a. Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc.
- b. Đại hội đại biểu Đoàn các cấp.
- c. Ban Chấp hành Đoàn các cấp.
- d. Ban Thường vụ Đoàn các cấp.

Câu 187: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của chi đoàn là gì?

- a. Đại hội đại biểu cấp chi đoàn.
- b. Đại hội đoàn viên.
- c. Ban Chấp hành chi đoàn.
- d. Đoàn cấp trên.

Câu 188: Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do ai, tổ chức nào thông qua?

- a. Ban Bí thư TW Đoàn biểu quyết thông qua.
- b. Hội nghị Ban chấp hành TW Đoàn biểu quyết thông qua.
- c. Đại hội Đại biểu Toàn quốc biểu quyết thông qua.
- d. Ban Thường vụ TW Đoàn biểu quyết thông qua.

Câu 189: Đoàn Thanh niên từ khi thành lập cho đến nay đã đổi tên mấy lần?

- a. 4 lần
- b. 5 lần
- c. 6 lần

d. 7 lần

Câu 190: Đoàn ta mang tên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh từ năm nào?

- a. 1955
- b. 1956
- c. 1976
- d. 1986

Câu 191: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do ai sáng lập ?

- a. Đảng cộng sản Việt Nam
- b. Hồ Chí Minh
- c. Đảng CSVN và Hồ Chí Minh
- d. Bí thư Trần Phú

Câu 192: Hằng năm Trung ương Đoàn chọn tháng mấy làm “Tháng thanh niên” ?

- a. Tháng Một
- b. Tháng Hai
- c. Tháng Ba
- d. Tháng Năm

Câu 193: Từ năm nào Ban bí thư Trung ương Đảng chọn tháng 3 hằng năm làm “Tháng Thanh Niên”?

- a. Năm 2001
- b. Năm 2002
- c. Năm 2003
- d. Năm 2004

Câu 194: Bác Hồ đã ví tuổi trẻ như mùa nào trong năm ?

- a. Mùa xuân
- b. Mùa hạ
- c. Mùa thu
- d. Mùa đông

Câu 195: Đơn vị có ít nhất mấy đoàn viên trở lên được thành lập chi đoàn?

- a. 3 đoàn viên
- b. 5 đoàn viên
- c. 7 đoàn viên
- d. 9 đoàn viên

Câu 196: Đoàn viên có độ tuổi từ bao nhiêu trở lên thì được xem là đoàn viên trưởng thành?

- a. 20 tuổi
- b. 25 tuổi
- c. 30 tuổi
- d. 35 tuổi

Câu 197: Điều lệ Đoàn khóa X quy định độ tuổi kết nạp đoàn viên ?

- a. Thanh niên Việt nam tuổi từ 15 đến 35
- b. Thanh niên Việt nam tuổi từ 16 đến 30
- c. Thanh niên Việt nam tuổi từ đủ 16 đến 30
- d. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 198: Bạn hãy cho biết ngày truyền thống của Hội LHTN Việt Nam là ngày nào?

- a. Ngày 15/10/1956
- b. Ngày 25/10/1950
- c. Ngày 26/3/1931
- d. Ngày 15/5/1955

Câu 199: Bài ca chính thức của Hội LHTN Việt Nam là bài:

- a. “Lên Đàng” – Nhạc Huỳnh Văn Tiểng, lời Lưu Hữu Phước
- b. “Lên Đàng” – Nhạc Lưu Hữu Phước, lời Huỳnh Văn Tiểng
- c. “Thanh niên làm theo lời Bác” – Nhạc và lời của Hoàng Hoà
- d. “Nối vòng tay lớn” – Nhạc và lời của Trịnh Công Sơn

Câu 200: Ngày truyền thống của sinh viên học sinh Việt Nam là ngày nào?

- a. 01/9
- b. 09/01
- c. 26/3
- d. 15/10

Câu 201: Trong chiến dịch lớn nào của quân- dân ta, Bế Văn Đàn đã lấy thân mình làm giá súng?

- a. Chiến dịch Việt Bắc – Thu Đông (1947)
- b. Chiến dịch biên giới (1950)
- c. Chiến dịch Tây Bắc (1952)
- d. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

Câu 202: “*Lấy thân mình lấp lỗ châu mai*” là hành động anh hùng của:

- a. Cù Chính Lan
- b. Nguyễn Viết Xuân
- c. Phan Đình Giót
- d. La Văn Cầu



PHẦN 10. THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH THƯ VIỆN

Câu 203: Thẻ thư viện là:

- a. Thẻ sinh viên
- b. Thẻ Chứng minh
- c. Thẻ thư viện được cấp riêng
- d. Thẻ ATM của bất kỳ ngân hàng nào

Câu 204: Bạn đọc làm thẻ thư viện như thế nào?

- a. Đến chụp hình và làm thẻ thư viện tại phòng Nghiệp vụ thư viện
- b. Dùng CMND để đăng ký làm thẻ thư viện tại phòng Nghiệp vụ thư viện
- c. Dùng thẻ sinh viên đăng ký tích hợp thành thẻ thư viện tại phòng mượn của Thư viện
- d. Dùng thẻ ATM của ngân hàng để đăng ký làm thẻ thư viện tại phòng Nghiệp vụ thư viện

Câu 205: Bạn đọc đăng nhập trang web Thư viện trường bằng đường dẫn nào sau đây:

- a. Link: library.cntp.edu.vn
- b. Link: hufi.cntp.edu.vn
- c. Link: thuvien.hufi.edu.vn
- d. Link: thuvien.cntp.edu.vn

Câu 206: Để được mượn sách tại phòng đọc - mượn thì bạn đọc cần:

- a. Đóng tiền thế chân
- b. Đóng tiền thế chân và mang đồng phục
- c. Mang đồng phục và trình thẻ thư viện
- d. Đóng tiền thế chân, mang đồng phục và trình thẻ thư viện

Câu 207: Số lượng sách được mượn về nhà tối đa:

- a. 2 quyển trong khoảng tiền thế chân
- b. 3 quyển trong khoảng tiền thế chân
- c. 5 quyển trong khoảng tiền thế chân
- d. Không quy định số cuốn chỉ căn cứ theo giá trị tiền thế chân

Câu 208: Thời gian tối đa được mượn sách về là:

- a. 7 ngày
- b. 10 ngày
- c. 15 ngày
- d. 30 ngày gia hạn tài liệu

Câu 209: Hết thời gian mượn, nếu có nhu cầu đọc tiếp, bạn đọc cần phải làm gì?

- a. Gia hạn sách
- b. Trả sách ngày sau mượn lại
- c. Giữ sách đọc 1 tuần sau khi hết thời gian mượn
- d. Giữ sách đọc đến khi hết nhu cầu

Câu 210: Trả sách trễ hạn, bạn đọc sẽ bị phạt:

- a. 500 đồng/ tài liệu/ ngày
- b. 1000 đồng/ tài liệu/ ngày
- c. 2000 đồng/ tài liệu/ ngày
- d. 5000 đồng / tài liệu/ ngày

Câu 211: Thông tin nào giúp bạn đọc vào kho tìm được sách nhanh nhất?

- a. Tên tài liệu
- b. Tên tác giả
- c. Ký hiệu xếp giá
- d. Số đăng ký cá biệt

Câu 212: Máy tính phục tra cứu sách tại các phòng đọc, bạn đọc có được sử dụng vào mục đích khác không?

- a. Không
- b. Có nhưng giới hạn thời gian sử dụng là 10 phút cho mỗi lượt truy cập
- c. Có nhưng giới hạn thời gian sử dụng là 15 phút cho mỗi lượt truy cập
- d. Có nhưng giới hạn thời gian sử dụng là 20 phút cho mỗi lượt truy cập

Câu 213: Đối với tài liệu là luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học, bạn đọc được phép tham khảo bằng cách?

- a. Mượn về nhà

- b. Mượn photo tại chỗ
- c. Tham khảo tại chỗ và không được photo.
- d. Chép file tài liệu

Câu 214: Bạn đọc đăng nhập trang web Thư viện số bằng đường dẫn nào sau đây

- a. Link: cesti.gov.vn
- b. Link: db.vista.gov.vn
- c. Link: thuvienso.cntp.edu.vn
- d. Link: hufi.edu.vn

Câu 215: Bạn đọc sử dụng tài khoản nào để đăng nhập vào hệ thống Thư viện số của trường:

- a. Sử dụng họ và tên
- b. Sử dụng ngày tháng năm sinh
- c. Sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu là Mã số sinh viên để đăng nhập vào hệ thống Thư viện số cho lần đầu tiên kích hoạt tài khoản
- d. Sử dụng tên đăng nhập là Mã số sinh viên và mật khẩu là ngày tháng năm sinh

Câu 216: Thay đổi mật khẩu của tài khoản Thư viện số chọn cách nào sau đây:

- a. Đăng nhập thành công link Thư viện số, sau đó chọn tài khoản thiết lập để chỉnh sửa
- b. Đăng nhập thành công link Thư viện số, sau đó chọn menu đổi mật khẩu để chỉnh sửa
- c. Đăng nhập thành công link Thư viện số, sau đó chọn tài khoản thiết lập và chọn menu đổi mật khẩu để chỉnh sửa
- d. Đăng nhập thành công vào link Thư viện số của Trường sau đó đổi mật khẩu

Câu 217: Nếu tài khoản đã bị khóa hoặc đăng nhập không được, các bạn liên hệ ở đâu để cấp lại tài khoản Thư viện số?

- a. Liên hệ với Thư viện Trường để kiểm tra hoặc cấp lại tài khoản Thư viện số.
- b. Liên hệ Thư viện trường hoặc chat yahoo trực tuyến trong phần Tư vấn thư viện số trên web Thư viện số của Trường để được hỗ trợ.
- c. Liên hệ với phòng Công tác chính trị sinh viên
- d. Liên hệ phòng đào tạo để thay đổi mật khẩu

Câu 218: Nguồn tài liệu tham khảo trên web: thuvienso.cntp.edu.vn có bị giới hạn tài liệu hay không?

- a. Bị giới hạn khi download tài liệu
- b. Không giới hạn download tài liệu
- c. Thư viện số chỉ được download tài liệu tại Trường khi có internet hay wifi
- d. Truy cập mọi lúc mọi nơi và không giới hạn tài liệu khi download

Câu 219: Sinh viên mua giáo trình, đồ dùng học tập tại phòng nào?

- a. Phòng đọc
- b. Phòng mượn-trả sách
- c. Phòng giáo trình
- d. Phòng photo

Câu 220: Nếu có tài liệu muốn đóng góp cho Thư viện, bạn đọc sẽ liên hệ bộ phận nào?

- a. Liên hệ bộ phận nghiệp vụ
- b. Liên hệ thủ thư tại phòng mượn
- c. Liên hệ thủ thư tại phòng đọc
- d. Liên hệ Ban Giám Đốc

Câu 221: Thư viện sẽ hoàn trả tiền thế chân cho bạn đọc khi:

- a. Vẫn có nhu cầu mượn sách về nhà
- b. Chưa kết thúc khóa học
- c. Vẫn còn nợ sách thư viện
- d. Không còn nhu cầu mượn sách về nhà, không còn nợ sách thư viện hoặc đã kết thúc khóa học

Câu 222: Mượn sách quá hạn 30 ngày không hoàn trả, bạn đọc sẽ bị:

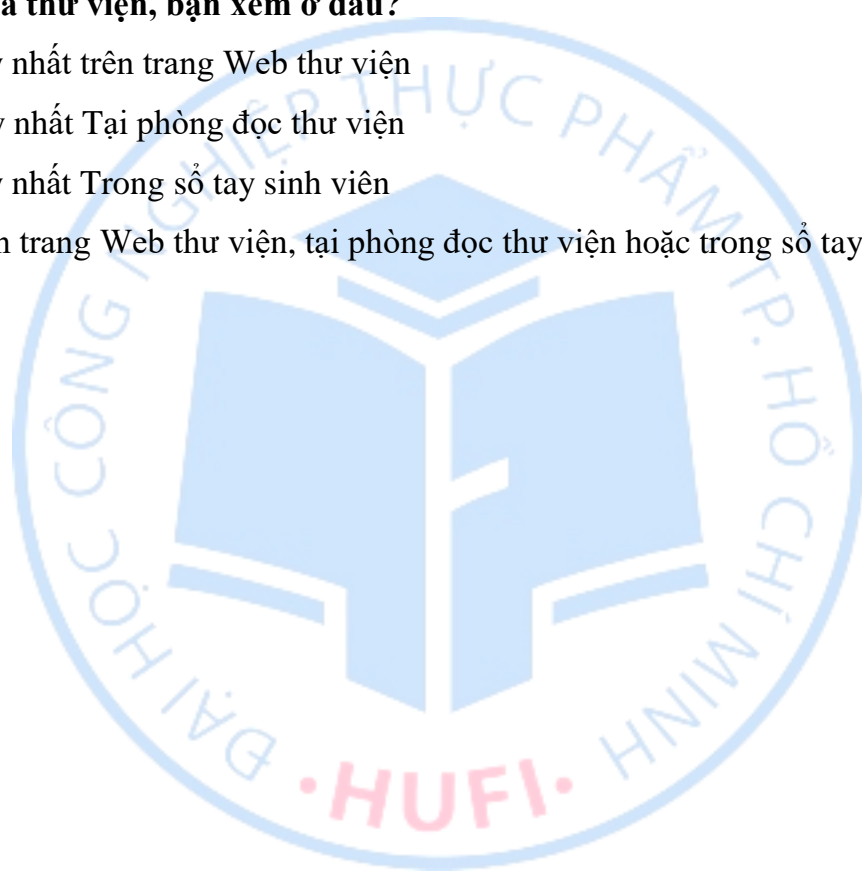
- a. Đền bù vào tiền thế chân và khóa thẻ, tước quyền sử dụng thư viện suốt khóa học
- b. Hạ điểm rèn luyện
- c. Kiểm điểm khiển trách
- d. Khóa thẻ

Câu 223: Nếu có sự thay đổi hiện trạng hoặc làm mất sách Thư viện, số tiền bồi thường là:

- a. Bồi thường tiền gấp 3 lần chi phí cho việc tái tạo thay thế tài liệu đó.
- b. Bồi thường tiền gấp 5 lần chi phí cho việc tái tạo thay thế tài liệu đó.
- c. Bồi thường tiền gấp 7 lần chi phí cho việc tái tạo thay thế tài liệu đó.
- d. Bồi thường tiền gấp 9 lần chi phí cho việc tái tạo thay thế tài liệu đó.

Câu 224: Chọn phát biểu đúng nhất: Để biết thông tin tài khoản sử dụng các cơ sở dữ liệu số của thư viện, bạn xem ở đâu?

- a. Duy nhất trên trang Web thư viện
- b. Duy nhất Tại phòng đọc thư viện
- c. Duy nhất Trong sổ tay sinh viên
- d. Trên trang Web thư viện, tại phòng đọc thư viện hoặc trong sổ tay sinh viên



PHẦN 11. THÔNG TIN CHÍNH TRỊ VÀ THỜI SỰ

Câu 225: Quy mô nền kinh tế của quốc gia nào đứng thứ hai thế giới?

- a. Mỹ
- b. Trung Quốc
- c. Nhật
- d. Đức

Câu 226: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 của Đảng đề ra đường lối đổi mới diễn ra năm nào?

- a. 1986
- b. 1991
- c. 1996
- d. 2001

Câu 227: Bội chi ngân sách nhà nước của Việt Nam năm 2013 trong khoảng?

- a. 5% - 6%
- b. 6% - 7%
- c. 7% - 8%
- d. 8% - 9%

Câu 228: WTO là tên viết tắt của tổ chức nào sau đây?

- a. Quỹ tiền tệ quốc tế
- b. Tổ chức thương mại thế giới
- c. Ngân hàng thế giới
- d. Tổ chức Liên Hiệp Quốc

Câu 229: ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Á) bao gồm bao nhiêu nước

- a. 10 nước
- b. 11 nước
- c. 12 nước
- d. 13 nước

Câu 230: Chỉ số phát triển con người (HDI) được thế giới đánh giá dựa trên các tiêu chí sau

- a. Tuổi thọ bình quân, trình độ dân trí, thu nhập bình quân đầu người.
- b. Tỷ lệ tăng dân số, mức sống, tuổi thọ bình quân.
- c. Mức sống, tuổi thọ bình quân, tỷ lệ thất nghiệp.
- d. Trình độ dân trí, thu nhập bình quân, tỷ lệ thất nghiệp

Câu 231: Các đảo trên quần đảo Trường Sa Việt Nam được giải phóng hoàn toàn ngày tháng năm nào?

- a. Ngày 29/4/1975
- b. Ngày 30/4/1975
- c. Ngày 02/5/1975
- d. Ngày 19/8/1975

Câu 232: Bác Hồ đã để lại cho bộ đội Hải quân một kỷ vật vô giá gắn liền với hình ảnh Người chiến sỹ Hải quân, đó là kỷ vật gì?

- a. Cuộn dây mồi Bác Hồ hướng dẫn cán bộ, chiến sỹ Hải quân khi tàu cập bến.

- b. Bức ảnh “Bác Hồ đội mũ Hải quân” cùng chiếc mũ Hải quân Bác đội
- c. Chiếc đài bán dẫn Bác Hồ tặng bộ đội Hải quân trên đảo Hòn Rồng
- d. Chiếc gậy Trường Sơn Bác vẫn dùng để đi lại suốt những năm tháng kháng chiến chống giặc ngoại xâm

Câu 233: Huyện đảo Trường Sa hiện có bao nhiêu xã, thị trấn?

- a. 3 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn và xã Song Tử Tây)
- b. 4 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết và xã Song Tử Tây)
- c. 5 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết, xã Sơn Ca và xã Song Tử Tây)
- d. 6 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết, xã Sơn Ca, xã Song Tử Tây và xã Song Tử Đông)

Câu 234: Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa IX) đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 vào ngày, tháng, năm nào?

- a. Ngày 23/6/1994
- b. Ngày 13/6/1994
- c. Ngày 11/6/1994
- d. Ngày 03/6/1994

Câu 235: Quần đảo Hoàng Sa trong lịch sử Việt Nam có tên gọi là gì ?

- a. Vạn lý Trường Sa
- b. Vạn lý Hoàng Sa
- c. Bãi cát vàng
- d. Bãi San Hô

Câu 236: Bãi biển nào dài nhất Việt Nam ?

- a. Nha Trang (Khánh Hòa)
- b. Trà Cổ (Quảng Ninh)
- c. Sầm Sơn (Thanh Hóa)
- d. Cửa Việt (Quảng Trị)

Câu 237: Đảo nào của nước ta có mật độ dân số cao nhất?

- a. Lý Sơn
- b. Thổ Chu
- c. Cát Bà
- d. Côn Sơn

Câu 238: Trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam, đảo nào có diện tích lớn nhất ?

- a. Đảo Song Tử tây
- b. Đảo Nam Yết
- c. Đảo Ba Bình
- d. Đảo Sinh Tồn

Câu 239: Trong quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, đảo nào có diện tích lớn nhất?

- a. Đảo Phú Lâm

- b. Đảo Cam Tuyền
- c. Đảo Duy Mộng
- d. Đảo Lý Sơn

Câu 240: Địa phương giáp biển nằm ở vĩ độ cao nhất của nước ta là ?

- a. Nam Định
- b. Hải Phòng
- c. Thái Bình
- d. Quảng Ninh

Câu 241: Bãi biển nào ở nước ta sau đây nằm ở nơi giáp ranh giữa Việt Nam và Trung Quốc?

- a. Bãi Cháy
- b. Trà Cổ
- c. Đồ Sơn
- d. Ti Tốp

Câu 242: Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta là ?

- a. Quảng Ninh
- b. Cà Mau
- c. Bạc Liêu
- d. Kiên Giang

Câu 243: Bãi biển nào sau đây được mệnh danh là “trữ tình nhất Việt Nam” ?

- a. Trà Cổ - Quảng Ninh
- b. Nha Trang - Khánh Hòa
- c. Cửa Lò Nghệ An
- d. Sầm Sơn – Thanh Hóa

Câu 244: Địa phương giáp biển nằm ở vĩ độ thấp nhất của nước ta là ?

- a. Cà Mau
- b. Kiên Giang
- c. Bạc Liêu
- d. Sóc Trăng

Câu 245: Việt Nam là một quốc gia ven biển có bờ biển dài bao nhiêu?

- a. Dưới 3.200 km
- b. Trên 3.260 km
- c. Dưới 4.260 km
- d. Trên 4.500 km

Câu 246: Hiện nay Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh nào?

- a. Đà Nẵng
- b. Quảng Nam
- c. Khánh Hòa
- d. Phú Yên

Câu 247: Hiện nay Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?

- a. Thành phố Đà Nẵng.
- b. Bà Rịa – Vũng Tàu
- c. Cà Mau
- d. Kiên Giang

Câu 248: Quốc gia nào đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và trường Sa?

- a. Trung Quốc
- b. Philippin
- c. Việt Nam
- d. Thái Lan

Câu 249: Đảo vừa có diện tích lớn nhất và vừa có giá trị về du lịch, về an ninh – quốc phòng là đảo nào? ở đâu?

- a. Đảo Côn Đảo – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- b. Đảo Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang
- c. Đảo Lý Sơn – tỉnh Quảng Ngãi
- d. Đảo Cồn Cỏ - tỉnh Quảng Bình

Câu 250: Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào?

- a. Kiên Giang
- b. Tiền Giang
- c. Long An
- d. Hậu Giang

Câu 251: Đảo Côn Sơn của nước ta thuộc tỉnh nào?

- a. Bình Thuận
- b. Ninh Thuận
- c. Bà Rịa – Vũng Tàu
- d. Khánh Hòa

Câu 252: Vịnh nào có nhiều đảo nhỏ nhất ở nước ta là vịnh nào?

- a. Vịnh Cam Ranh
- b. Vịnh Lăng Cô
- c. Vịnh Vũng Rô
- d. Vịnh Hạ Long

Câu 253: Quần đảo có nhiều đảo lớn nhất ở nước ta là quần đảo nào?

- a. Cát Bi
- b. Lý Sơn
- c. Thổ Chu
- d. Cát Bà

PHẦN 12. THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 254: Đảm bảo an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của ai?

- a. Là trách nhiệm của ngành giao thông vận tải và ngành Công an.
- b. Là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân và của toàn xã hội
- c. Là trách nhiệm của cảnh sát giao thông
- d. Là trách nhiệm của chính quyền địa phương

Câu 255: Trên đường giao thông, khi hiệu lệnh của người điều khiển giao thông trái với hiệu lệnh của đèn hoặc biển báo thì người tham giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh nào?

- a. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông
- b. Hiệu lệnh của đèn điều khiển giao thông
- c. Hiệu lệnh của biển báo đường bộ
- d. Hiệu lệnh của đèn điều khiển giao thông hoặc biển báo đường bộ

Câu 256: Khi điều khiển xe chạy trên đường người lái xe phải mang theo các loại giấy tờ gì?

- a. Giấy phép lái xe, đăng ký xe, giấy lưu hành xe.
- b. Giấy phép lái xe theo quy định, đăng ký xe, giấy vận chuyển, chứng minh thư nhân dân.
- c. Lệnh vận chuyển, đăng ký xe, giấy phép lưu hành xe.
- d. Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đó, đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và giấy phép vận chuyển (nếu loại xe đó cần phải có).

Câu 257: Người đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì được điều khiển xe mô tô có dung tích xilanh từ 50cm³ trở lên?

- a. 14 tuổi
- b. 16 tuổi
- c. 18 tuổi
- d. 20 tuổi

Câu 258: Tại nơi đường giao nhau, khi đèn điều khiển giao thông có tín hiệu vàng, người điều khiển phương tiện phải thực hiện như thế nào?

- a. Phải cho xe dừng lại trước vạch dừng
- b. Phải cho xe dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát nhường đường cho người đi bộ qua đường
- c. Phải cho xe nhánh chóng vượt qua vạch dừng để đi qua đường giao nhau và chú ý đảm bảo an toàn;
- d. Khi tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát người đi bộ để đảm bảo an toàn.

Câu 259: Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không được phép chở tối đa 02 người trong trường hợp nào sau đây?

- a. Chở người bệnh đi cấp cứu
- b. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật

- c. Trẻ em dưới 14 tuổi
- d. Chở người lớn tuổi

Câu 260: Trên đường bộ trong khu vực đông dân cư xe mô tô hai bánh, xe gắn máy tham gia giao thông với tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu?

- a. 60 km/h
- b. 50 km/h
- c. 40 km/h
- d. 30 km/h

Câu 261: Trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư xe mô tô tham gia giao thông với tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu?

- a. 80 km/h
- b. 70 km/h
- c. 60 km/h
- d. 50 km/h

Câu 262: Nội dung nào sau đây không thể hiện nghĩa vụ của người tham gia giao thông khi phát hiện công trình đường bộ bị hư hỏng hoặc bị xâm hại?

- a. Kịp thời báo cáo cho chính quyền địa phương
- b. Kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý đường bộ hoặc cơ quan công an nơi gần nhất để xử lý
- c. Trong trường hợp cần thiết có biện pháp báo hiệu ngay cho người tham gia giao thông biết
- d. Không báo cáo cho chính quyền địa phương hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết

Câu 263: Người có mặt tại nơi xảy ra tai nạn giao thông có trách nhiệm gì?

- a. Bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời, bảo vệ tài sản của người bị nạn, báo tin ngay cho cơ quan công an.
- b. Bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời, bảo vệ tài sản của người bị nạn, báo tin ngay cho Ủy ban nhân dân nơi gần nhất
- c. Bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời, bảo vệ tài sản của người bị nạn, cung cấp thông tin sát thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan công an
- d. Bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời, bảo vệ tài sản của người bị nạn, báo tin ngay cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất, cung cấp thông tin sát thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan công an

Câu 264: Ở những nơi nào được phép quay đầu xe?

- a. Ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường
- b. Trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, trong hầm đường bộ, tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt
- c. Đường hẹp, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất
- d. Đường rộng, tầm nhìn không bị che khuất, không có biển báo cấm quay đầu

Câu 265: Khi lùi xe người lái xe phải làm gì để đảm bảo an toàn ?

- a. Quan sát phía sau và cho lùi xe
- b. Lợi dụng nơi đường giao nhau đủ chiều rộng để lùi

- c. Phải quan sát phía sau, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi thấy không nguy hiểm mới được lùi
- d. Leo lên lề đường và thực hiện quay đầu xe

Câu 266: Có mấy loại dải phân cách?

- a. Có 1 loại là loại cố định
- b. Có 1 loại là loại di động
- c. Có 2 loại là loại di động và loại cố định
- d. Có 2 loại là loại bán di động và loại cố định

Câu 267: Trên đường có dải phân cách, người đi bộ có được vượt qua dải phân cách không ?

- a. Được phép
- b. Được vượt ở nơi không có đường dành cho người đi bộ qua đường
- c. Không được
- d. Được vượt ở nơi có đường dành cho người đi bộ qua đường

Câu 268: Trẻ em bao nhiêu tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt?

- a. Dưới 6 tuổi
- b. Dưới 7 tuổi
- c. Dưới 9 tuổi
- d. Dưới 14 tuổi

Câu 269: Luật Giao thông đường bộ 2008 quy định trẻ em từ bao nhiêu tuổi trở lên khi ngồi trên xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm và cài quai đúng quy cách?

- a. 5 tuổi
- b. 6 tuổi
- c. 7 tuổi
- d. 8 tuổi

Câu 270: Xe chạy phía sau không thể vượt lên bên phải xe khác đang chạy phía trước trong trường hợp nào?

- a. Khi xe phía trước đang chạy thẳng, không có tín hiệu rẽ trái
- b. Khi xe điện đang chạy giữa đường
- c. Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được
- d. Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái

Câu 271: Tại nơi đường sắt giao cắt đường bộ quyền ưu tiên thuộc về phương tiện nào?

- a. Xe nào đi bên phải không bị vướng thì được quyền đi trước
- b. Xe nào đi bên trái không bị vướng thì được quyền đi trước
- c. Quyền ưu tiên thuộc về phương tiện đường sắt
- d. Xe nào ra tín hiệu xin đường trước thì xe được đi trước

Câu 272: Người điều khiển xe mô tô dưới 50 phân khối bắt buộc phải có giấy tờ gì ?

- a. Chỉ cần mang theo giấy phép lái xe
- b. Chỉ cần mang theo chứng nhận đăng ký xe
- c. Chỉ cần mang theo bảo hiểm dân sự

d. Chứng nhận đăng kí xe và Bảo hiểm dân sự

Câu 273: Khi ở một khu vực đồng thời có đặt biển báo hiệu cố định và biển báo tạm thời mà ý nghĩa hiệu lực khác nhau, thì người lái xe phải chấp hành hiệu lệnh của biển nào?

- a. Biển báo hiệu tạm thời.
- b. Biển báo hiệu cố định
- c. Không chấp hành biển nào
- d. Chấp hành biển báo nào cũng được

Câu 274: Phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển với tốc độ thấp phải đi về bên nào?

- a. Về bên trái
- b. Về bên phải
- c. Đi giữa đường
- d. Đi về phía nào là tùy thuộc người lái xe

Câu 275: Trong khu dân cư, ở nơi nào cho phép người lái xe quay đầu xe?

- a. Ở nơi đường giao nhau và nơi có biển báo cho phép quay đầu xe
- b. Ở nơi có đường rộng để cho các loại xe chạy hai chiều
- c. Ở bất cứ nơi nào
- d. Ở nơi có vỉa hè đủ rộng

Câu 276: Khi qua đường giao nhau, thứ tự ưu tiên xe nào được đi trước là đúng quy tắc giao thông?

- a. Đoàn xe tang.
- b. Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp,
- c. Đoàn xe có cảnh sát dẫn đường.
- d. Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ.

Câu 277: Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyến, người điều khiển phương tiện phải nhường đường như thế nào?

- a. Ưu tiên bên trái.
- b. Xe báo hiệu xin đường trước xe đó được đi trước.
- c. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải.
- d. Ưu tiên xe lớn hơn

Câu 278: Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyến, người điều khiển phương tiện phải nhường đường như thế nào?

- a. Phải nhường đường cho xe đi bên trái.
- b. Ưu tiên bên phải.
- c. Xe báo hiệu xin đường trước xe đó được đi trước.
- d. Ưu tiên xe lớn hơn

Câu 279: Người điều khiển xe mô tô hai bánh có được sử dụng ô, điện thoại di động không?

- a. Không được.
- b. Được sử dụng trong trường hợp cần thiết.
- c. Có được.
- d. Sử dụng hay không là tùy ý người lái xe

Câu 280: Người điều khiển xe đạp được chở bao nhiêu người trên xe?

- a. Hai người ngồi sau.
- b. Chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.
- c. Ngoài người lái xe được chở thêm hai người lớn trong trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu hoặc áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.
- d. Chỉ được phép duy nhất một người ngồi sau

Câu 281: Người điều khiển mô tô tham gia giao thông phải mang theo các loại giấy tờ nào sau đây?

- a. Đăng ký xe
- b. Giấy phép lái xe phù hợp
- c. Đăng ký xe; giấy phép lái xe phù hợp
- d. Đăng ký xe; giấy phép lái xe phù hợp; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực

PHẦN 13. THÔNG TIN PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ HIV-AIDS

Câu 282: Theo Luật Phòng chống ma túy, các hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- a. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.
- b. Chống lại hoặc cản trở việc cai nghiện ma túy.
- c. Trồng cây có chứa chất ma túy.
- d. Các đáp án kia đều đúng.

Câu 283: Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của ai?

- a. Nhà nước.
- b. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội
- c. Cơ quan Công an.
- d. Tòa án, Viện kiểm sát.

Câu 284: Trong công tác phòng, chống ma túy, cá nhân và gia đình có trách nhiệm:

- a. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy.
- b. Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh.
- c. Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.
- d. Các đáp án kia đều đúng.

Câu 285: Ma Túy là chất được chiết xuất từ:

- a. Cây Côca
- b. Cây Cần sa
- c. Cây thuốc phiện
- d. Các đáp án kia đều đúng.

Câu 286: Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị phạt tù từ:

- a. 1 năm đến 5 năm
- b. 2 năm đến 5 năm
- c. 2 năm đến 7 năm
- d. 3 năm đến 7 năm

Câu 287: Đối tượng nào được phép cai nghiện tại gia đình và cộng đồng:

- a. Tất cả những người bị nghiện
- b. Người nghiện được gia đình khai báo
- c. Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội sử dụng trái phép chất ma túy
- d. Người nghiện được gia đình bảo lãnh

Câu 288: Các chất sau đây, chất nào không thể thiếu trong quá trình sản xuất, điều chế chất ma túy.

- a. Pepap
- b. Parahexyl

- c. Acetorphin
- d. Ephedrine

Câu 289: Các chất sau đây, chất nào thuộc dạng ma túy rất độc, tuyệt đối cấm sử dụng:

- a. Sedusen
- b. Eestasy
- c. Acetorphin
- d. Cocaine

Câu 290: Tội sử dụng trái phép chất ma túy, bị phạt tù từ:

- a. 3 tháng đến 2 năm
- b. 3 tháng đến 3 năm
- c. 3 tháng đến 4 năm
- d. 3 tháng đến 5 năm

Câu 291: Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy bị phạt tù từ:

- a. 1 năm đến 3 năm
- b. 2 năm đến 5 năm
- c. 2 năm đến 7 năm
- d. 3 năm đến 7 năm

Câu 292: Gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- a. Khai báo với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc tổ nhân dân tự quản
- b. Khai báo với UBND cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình
- c. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 293: Cần làm gì để giúp người đang cai nghiện:

- a. Không xa lánh, chỉ trích hoặc chê bai
- b. Tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng
- c. Không gần gũi với người nghiện
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 294: Người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- a. Tự khắc phục sai sót
- b. Báo tình trạng nghiện ma túy của mình với gia đình
- c. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 295: Những dấu hiệu sau đây, dấu hiệu nào biểu hiện người đang nghiện ma túy:

- a. Thường ngáp vặt
- b. Ho khan
- c. Thích cãi vã người khác
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 296: Ma túy xâm nhập vào cơ thể con người bằng cách nào?

- a. Qua hệ hô hấp, hệ tuần hoàn
- b. Qua hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hoá

- c. Qua hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết
- d. Qua hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa và hệ bài tiết

Câu 297: Đối tượng nào có nguy cơ dễ bị nghiện ma túy:

- a. Cha mẹ nuông chiều quá mức
- b. Không tập trung vào học tập, các sinh hoạt tập thể, công việc gia đình,
- c. Gia đình bị xáo trộn
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 298: Khi lỡ sử dụng chất ma túy, bạn phải:

- a. Tự bản thân khắc phục
- b. Đến cơ quan tư vấn để được giúp đỡ
- c. Xa lánh bạn bè, người thân
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 299: Làm thế nào để không bị bạn bè rủ rê, lôi kéo vào con đường sử dụng ma túy:

- a. Không quan hệ bạn bè
- b. Không nghe theo sự cám dỗ, mời mọc, thách thức của bạn bè
- c. Không tập hút thuốc lá
- d. Không tham gia các tệ nạn xã hội

Câu 300: Khi nào được phép sử dụng một số chất ma túy:

- a. Khi lên cơn nghiện
- b. Khi nghiện và được cha mẹ cho phép
- c. Khi được bác sĩ chuyên khoa chỉ định
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 301: HIV là gì?

- a. Là loại vi khuẩn gây suy giảm miễn dịch
- b. Là loại vi rút gây suy giảm miễn dịch mắc phải ở người
- c. Là tên của bệnh AIDS
- d. Là bệnh suy giảm miễn dịch mắc phải ở người

Câu 302: Ai là người có thể lây nhiễm HIV?

- a. Người tiêm chích ma túy, gái mại dâm
- b. Người tiêm chích ma túy, gái mại dâm, con của bà mẹ nhiễm HIV
- c. Người quan hệ tình dục không dùng bao cao su
- d. Tất cả mọi người đều có hành vi nhiễm HIV nếu có hành vi nguy cơ

Câu 303: HIV không lây nhiễm qua những đường nào?

- a. Giao tiếp thông thường, ăn uống chung, cùng học chung
- b. Quan hệ tình dục
- c. Truyền máu
- d. Tiêm chích ma túy

Câu 304: HIV không lây nhiễm qua những đường nào?

- a. Quan hệ tình dục
- b. Muỗi đốt, côn trùng cắn
- c. Truyền máu
- d. Tiêm chích ma túy

Câu 305: AIDS là gì?

- a. Là giai đoạn cuối của quá trình nhiễm HIV
- b. Là hội chứng bẩm sinh, di truyền
- c. Là chỉ một người nhiễm HIV nhưng vẫn khỏe mạnh
- d. Là tên của một loại vi rút

Câu 306: Khi xét nghiệm HIV, kết quả cho dương tính có nghĩa là:

- a. Cho biết tình trạng sức khỏe của người đó
- b. Cho biết người đó đã bị nhiễm HIV và có thể làm lây HIV cho người khác
- c. Cho biết người đó đã bị AIDS hay chưa
- d. Cho biết người đó bị nhiễm HIV khi nào

Câu 307: Bạn hãy cho biết nguyên nhân gây ra HIV/AIDS là gì?

- a. Vi khuẩn.
- b. Nấm.
- c. Vi rút.
- d. Ký sinh trùng

Câu 308: Giai đoạn cửa sổ là giai đoạn?

- a. Không làm lây nhiễm HIV cho người khác
- b. Xét nghiệm phát hiện được kháng thể kháng HIV
- c. Chưa nhiễm HIV
- d. Xét nghiệm không phát hiện được kháng thể kháng HIV nhưng làm lây cho người khác

Câu 309: Người ta thường chia quá trình nhiễm HIV của một người ra mấy giai đoạn?

- a. 2 giai đoạn
- b. 3 giai đoạn
- c. 4 giai đoạn
- d. 5 giai đoạn

Câu 310: Nguyên tắc chung để phòng tránh lây nhiễm HIV là gì?

- a. Không tiếp xúc với người nhiễm HIV
- b. Tránh mọi sự tiếp xúc trực tiếp với máu và các dịch tiết sinh học của người khác
- c. Không nghiện chích ma túy
- d. Tránh xa người bị nhiễm HIV

Câu 311: Hiện nay chúng ta đã có thuốc ARV, đây là loại thuốc...

- a. Tiêu diệt HIV
- b. Là một loại vắc xin phòng lây nhiễm HIV
- c. Là thuốc hỗ trợ cơ thể bảo vệ khỏi HIV
- d. Ức chế làm giảm sự nhân lên của HIV mà không tiêu diệt được HIV

Câu 312: Dịch HIV nguy hiểm vì :

- a. Chưa có thuốc ngừa, chưa có thuốc chữa khỏi bệnh
- b. Nhìn bề ngoài không thể biết được ai là người đã nhiễm HIV
- c. Khi bệnh bộc phát sẽ chết
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 313: IDS để chỉ giai đoạn nào của nhiễm HIV:

- a. Đã nhiễm Virut HIV
- b. Đã nhiễm HIV và suy giảm miễn dịch dẫn tới nhiễm trùng cơ hội
- c. Đã nhiễm HIV nhưng chưa biểu hiện triệu chứng AIDS
- d. Đã nhiễm HIV và xét nghiệm HIV dương tính

Câu 314: Biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất trong công tác phòng lây nhiễm HIV

- a. Sống lành mạnh, thủy chung
- b. Thận trọng, phổ quát trong công tác khi phải tiếp xúc với máu và dịch tiết sinh học người bệnh
- c. Thông tin giáo dục truyền thông để nâng cao kiến thức phòng chống AIDS cho mọi người
- d. Không sử dụng bơm kim tiêm chung, sử dụng biện pháp an toàn tình dục trong quan hệ tình dục với nhiều người

Câu 315: Phương pháp nào sau đây tránh lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục:

- a. Sử dụng bao su
- b. Đặt vòng và thuốc uống tránh thai
- c. Uống thuốc AZT ngừa nhiễm HIV
- d. Dùng phương pháp xuất tinh ra ngoài âm đạo

Câu 316: HIV khi xâm nhập vào cơ thể tồn tại bao lâu:

- a. Từ 6 tuần đến 3 tháng
- b. Từ 4 tháng đến 6 tháng
- c. Từ 7 đến 10 năm
- d. Suốt đời

Câu 317: Theo bạn người nhiễm HIV nên được chăm sóc tốt nhất ở đâu?

- a. Tại nhà.
- b. Tại bệnh viện.
- c. Tại khu cách ly.
- d. Tại các cơ sở y tế

Câu 318: Bạn hãy cho biết, HIV không lây qua con đường nào sau đây?

- a. Đường tình dục.
- b. Giao tiếp thông thường (ôm hôn, bắt tay...).
- c. Lây từ mẹ nhiễm HIV sang con.
- d. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 319: Bạn hãy cho biết dấu hiệu lâm sàng chính của AIDS?

- a. Sút cân trên 10% trọng lượng cơ thể
- b. Sốt kéo dài trên 1 tháng
- c. Ỉa chảy kéo dài trên 1 tháng
- d. Các đáp trên đều đúng

Câu 320: Khi bị bơm kim tiêm dính máu đâm vào tay, bạn cần làm gì ngay sau đó?

- a. Băng kín vết thương bằng băng vô trùng
- b. Uống ngay kháng sinh và đến cơ sở y tế nơi gần nhất

- c. Nặn máu, rửa tay bằng xà phòng nhiều lần dưới vòi nước chảy rồi đến ngay Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS
- d. Không cần xử trí



PHẦN 14. HỌC TẬP TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Câu 321: Hồ Chí Minh được UNESCO ra Nghị quyết công nhận là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Danh nhân văn hoá kiệt xuất vào năm nào?

- a. 1969
- b. 1987
- c. 1975
- d. 1990

Câu 322: Thành tựu nổi bật nhất của Việt Nam về chính trị trong những năm đổi mới là gì?

- a. Giữ vững độc lập tự do
- b. Ổn định
- c. Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- d. Phát triển hợp tác đối ngoại

Câu 323: Hãy lựa chọn câu trả lời đúng nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người
- b. Vì lợi ích mười năm, trồng cây; vì lợi ích trăm năm, trồng người
- c. Vì lợi ích mười năm trồng cây vì lợi ích trăm năm trồng người
- d. Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người

Câu 324: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng là:

- a. Đường lối
- b. Thiên nhiên
- c. Con người
- d. Phương tiện hiện đại

Câu 325: Điền từ còn thiếu trong câu nói sau của Nguyễn Ái Quốc: "Chỉ có tầng lớp ... là có thể nghe thấy những hồi âm của phong trào cách mạng ở phương Tây. Chỉ có họ mới có thể nhìn thấy, suy ngẫm, so sánh và hiểu vấn đề. Vì vậy, họ là những người đầu tiên tham gia đấu tranh":

- a. Công nhân
- b. Sinh viên
- c. Thanh niên
- d. Trí thức

Câu 326: Trong nhiều bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh đã nêu lên và phân tích 5 đức tính chủ yếu của người cách mạng. Đó là những đức tính nào?

- a. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín
- b. Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm
- c. Nhân, nghĩa, trí, dũng, tín
- d. Cần, kiệm, liêm, chính, dũng

Câu 327: Đoàn thanh niên cần phải làm đầu tàu, gương mẫu trong phong trào thi đua yêu nước, phải thực hiện khẩu hiệu:

- a. "Đảng cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên làm"
- b. "Đâu Đảng cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên làm"
- c. "Đâu Đảng cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên"
- d. "Đảng cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên"

Câu 328: Theo Tư tưởng Hồ Chí Minh, người chủ tương lai của đất nước là:

- a. Trí thức
- b. Thanh niên
- c. Công nhân
- d. Nông dân

Câu 329: Chọn câu trả lời sai: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu cách mạng của nước ta hiện nay là gì?

- a. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- b. Dân giàu, nước mạnh
- c. Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
- d. Đất nước độc lập, nhân dân ấm no

Câu 330: Kiên trì con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn nghĩa là gì?

- a. Giữ vững nền độc lập dân tộc
- b. Thực hiện triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- c. Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- d. Hội nhập với nền kinh tế thế giới

Câu 331: Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: “*Học để làm việc,..., làm cán bộ*”?

- a. Làm cách mạng
- b. Làm người
- c. Có tri thức
- d. Phục vụ nhân dân

Câu 332: Chọn phương án trả lời đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng chủ yếu của khối đại đoàn kết dân tộc:

- a. Công nhân
- b. Học trò, nhà buôn
- c. Công nhân, nông dân
- d. Công nhân, nông dân, trí thức

Câu 333: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Câu nói đó của Hồ Chí Minh trong văn kiện nào?

- a. Đường cách mạng (1927)

- b. Tuyên ngôn độc lập (1945)
- c. Di Chúc (1969)
- d. Lời khai mạc Đại hội Đảng lần thứ III (1960)

Câu 334: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Truyền thống quý báu nhất của dân tộc Việt Nam được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển là gì?

- a. Lòng nhân ái
- b. Chủ nghĩa yêu nước
- c. Tinh thần hiếu học
- d. Cần cù lao động.

Câu 335: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vào năm nào?

- a. Năm 1920.
- b. Năm 1925.
- c. Năm 1927.
- d. Năm 1930.

Câu 336: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh đã từng dạy học ở ngôi trường nào?

- a. Trường tiểu học Pháp - Việt ở Vinh.
- b. Trường tiểu học Đông Ba ở Huế.
- c. Trường Quốc học Huế.
- d. Trường Dục Thanh ở Phan Thiết.

Câu 337: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước vào năm nào?

- a. Năm 1905
- b. Năm 1908
- c. Năm 1911
- d. Năm 1912

Câu 338: Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống trong câu viết sau đây của Hồ Chí Minh: "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy.... mà tự giải phóng cho ta".

- a. dựa vào sự giúp đỡ quốc tế
- b. dựa vào sự đoàn kết toàn dân
- c. dưới sự lãnh đạo của Đảng
- d. đem sức ta

Câu 339: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn Độc lập vào năm nào?

- a. 1930.
- b. 1941.
- c. 1945.
- d. 1946.

Câu 340: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” chống thực dân Pháp vào thời gian nào?

- a. 19-12-1945.

- b. 19-12-1946.
- c. 19-12-1947.
- d. 19-12-1948.

Câu 341: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Những tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào không phải là của Hồ Chí Minh?

- a. Bản án chế độ thực dân Pháp
- b. Đường cách mệnh.
- c. Tuyên ngôn Độc lập.
- d. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

Câu 342: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Hồ Chí Minh khẳng định chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập. Đó là chủ nghĩa dân tộc nào?

- a. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản
- b. Chủ nghĩa dân tộc chân chính.
- c. Chủ nghĩa sô vanh, nước lớn.
- d. Chủ nghĩa dân tộc vị kỷ.

Câu 343: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Lực lượng trong cách mạng giải phóng dân tộc gồm có những thành phần nào?

- a. Công nhân, nông dân.
- b. Công nhân, nông dân, trí thức.
- c. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc
- d. Toàn dân tộc.

Câu 344: Chọn đáp án trả lời đúng nhất: Kiên trì con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn nghĩa là:

- a. Giữ vững nền độc lập dân tộc.
- b. Thực hiện triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- c. Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- d. Hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Câu 345: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Đoạn văn trên trích từ bài viết nào của Hồ Chí Minh?

- a. Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa.
- b. Tuyên ngôn Độc lập.
- c. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.
- d. Thư gửi đồng bào Nam bộ.

Câu 346: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước thì:

- a. Nhân dân là người chịu sự quản lý
- b. Nhân dân là người phục vụ
- c. Nhân dân là người đại diện cho quyền lực nhà nước
- d. Dân là chủ và dân làm chủ

Câu 347: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lực lượng nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc gồm những thành phần nào trong xã hội?

- a. Mọi người Việt Nam yêu nước
- b. Công nhân, nông dân
- c. Khối liên minh công- nông dân - lao động trí óc
- d. Toàn thể dân tộc Việt Nam

Câu 348: Hãy cho biết theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mục đích của việc học tập để làm gì?

- a. Để hiểu biết nhiều kiến thức.
- b. Để có danh tiếng, địa vị trong xã hội.
- c. Để làm việc, làm người, làm cán bộ.
- d. Để lãnh đạo người khác.

Câu 349: Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định: độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm là cho dân tộc nào?

- a. Dân tộc Việt Nam.
- b. Các dân tộc bị áp bức.
- c. Các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới.
- d. Tất cả các dân tộc trên thế giới.

Câu 350: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Câu trên Hồ Chí Minh nói đó trong văn kiện nào?

- a. Tuyên ngôn độc lập (1945)
- b. Bản án chế độ thực dân Pháp
- c. Đường Cách mệnh
- d. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 351: Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: “Việt Nam muốn làm bạn với, không gây thù oán với một ai”.

- a. Các nước xã hội chủ nghĩa.
- b. Các dân tộc thuộc địa, bị áp bức.
- c. Mọi nước dân chủ.
- d. Mọi nước nghèo

Câu 352: Hồ Chí Minh xác định yếu tố nào là gốc của người cách mạng?

- a. Tài năng.
- b. Văn hóa
- c. Nhân cách
- d. Đạo đức.

Câu 353: Chọn đáp án trả lời đúng cho câu hỏi: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta". Câu nói trên ở trong văn kiện nào?

- a. Lời kêu gọi Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam ngày 3/9/1969

b. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam đọc tại lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9/9/1969.

c. Diễn văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng LĐVN đọc tại lễ kỷ niệm 80 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh.

d. Diễn văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN đọc tại lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh.

Câu 354: Theo Hồ Chí Minh, nội dung của nền giáo dục mới là gì?

a. Giáo dục toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ

b. Giáo dục tư tưởng trính trị

c. Giáo dục thái độ lao động

d. Giáo dục tri thức văn hóa

Câu 355: Theo Hồ Chí Minh, muốn thức tỉnh một dân tộc, trước hết phải thức thức tỉnh bộ phận dân cư nào?

a. Tầng lớp tri thức

b. Công nhân lao động

c. Thanh niên

d. Nông dân



**CHỊU TRÁCH NHIỆM TỔNG HỢP
PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ & HỌC SINH SINH VIÊN**

